

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH



ISO 9001-2000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN & XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CADOVIMEX

(Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000045 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 01/02/2005, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 21/08/2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số: .../SGDHCM do..... cấp ngày ... tháng ... năm 2008)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

- ❖ Trụ sở Công ty Cổ phần Chế biến & Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex
Khóm 2, Thị trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân, Tỉnh Cà Mau
Điện thoại : 0780.889050 Fax : 0780.889067
- ❖ Chi nhánh Cadovimex tại TP.HCM :
Số 237 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, TP. HCM.
Điện thoại : 08.8629686 Fax : 08.8629371
- ❖ Trụ sở Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Số 56 - 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
- ❖ Chi nhánh Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tại Hà Nội
Lầu 1, số 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông Võ Thành Tiên – Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: 237 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, TP. HCM.

Điện thoại: 08.8629686 - 0913.986.072 Fax : 08.8629371

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN & XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CADOVIMEX

(Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000045 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 01/02/2005, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 21/08/2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số: .../SGDHCM do..... cấp ngày ... tháng ... năm 2008)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

- ❖ **Trụ sở Công ty Cổ phần Chế biến & Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex**
Khóm 2, Thị trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân, Tỉnh Cà Mau
Điện thoại : 0780.889050 Fax : 0780.889067
- ❖ **Chi nhánh Cadovimex tại TP.HCM :**
Số 237 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, TP. HCM.
Điện thoại : 08.8629686 Fax : 08.8629371
- ❖ **Trụ sở Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**
Số 56 - 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
- ❖ **Chi nhánh Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tại Hà Nội**
Lầu 1, số 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông Võ Thành Tiên – Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: 237 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, TP. HCM.

Điện thoại: 08.8629686 - 0913.986.072 Fax : 08.8629371

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN & XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CADOVIMEX

(Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000045 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 01/02/2005, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 21/08/2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Tên cổ phiếu: Công ty cổ phần Chế biến & Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng

Tổng số lượng niêm yết: 8.000.000 cổ phần

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 80.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty Kiểm Toán và Dịch vụ Tin học (AISC)

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 930.51.63 Fax: (84.8) 930.42.81

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Trụ sở chính: Địa chỉ: 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp HCM

Điện thoại: (84.8) 9.144.134 Fax: (84.8) 9.144.371

Website: www.das.vn Email: das@das.vn

Chi nhánh Hà Nội: Địa chỉ: Lầu 1, 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 9.445.175 Fax: (84.4) 9.445.178

Chi nhánh Đông Sài Gòn: Địa chỉ: 828 Sư Vạn Hạnh, Quận 10, Tp HCM

Điện thoại: (84.8) 4045.407 Fax: (84.8) 4045.408

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1.	Rủi ro về kinh tế.....	5
2.	Rủi ro về pháp luật.....	5
3.	Rủi ro về thị trường.....	5
4.	Rủi ro ngành nghề.....	5
5.	Rủi ro khác.....	6
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	6
1.	Tổ chức niêm yết.....	6
2.	Tổ chức tư vấn	6
III.	CÁC KHÁI NIỆM	6
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	7
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	7
1.1	Giới thiệu Công ty.....	7
1.2	Quá trình hình thành và phát triển	9
1.3	Những thành tựu đã đạt được.....	11
1.4	Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	11
2.	Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	12
2.1	Công ty Cổ Phần Chế Biến & XNK Thủy Sản Cái Đôi Vàm.....	13
2.2	Các Xí nghiệp trực thuộc	13
2.3	Nhiệm vụ, chức năng quyền hạn.....	14
3.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ và cơ cấu cổ đông	21
4.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành....	22
5.	Hoạt động kinh doanh	22
5.1	Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	22
5.2	Chủng loại và chất lượng sản phẩm	24
5.3	Nguyên vật liệu	34
5.3.1	Nguyên vật liệu chính	34
5.3.2	Nguyên vật liệu phụ	36
5.3.3	Sự ổn định của nguồn nguyên liệu	36
5.4	Chi phí sản xuất: Tổng các yếu tố chi phí của Công ty qua các năm	37
5.5	Trình độ công nghệ	38
5.6	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:	39
5.7	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	39
5.8	Hoạt động Marketing	41
5.9	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	42
5.10	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	42
6.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	43
6.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất	43
6.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo.	43
7.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	44



7.1.	Vị thế của công ty trong ngành:	44
7.2.	Triển vọng phát triển của ngành:	49
8.	Chính sách đối với người lao động	52
9.	Chính sách cổ tức	53
10.	Tình hình hoạt động tài chính	54
10.1	Các chỉ tiêu cơ bản	54
10.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	55
11.	Lý lịch trích ngang của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	56
11.1	Hội đồng quản trị	56
11.2	Ban giám đốc :	64
11.3	Ban kiểm soát.....	65
11.4	Kế toán trưởng	68
12.	Tài sản chủ yếu	69
13.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2008 và 2009	70
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	73
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	73
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: không.....	73
V.	CÔNG PHIEU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	74
	Loại chứng khoán.....	74
	Mệnh giá cổ phần.....	74
	Tổng số lượng cổ phần đăng ký	74
	Giá trị cổ phần Cadovimex	75
	Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	76
	Các loại thuế liên quan.....	76
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	76
	Tổ chức tư vấn	76
	Tổ chức kiểm toán.....	76
VII.	PHỤ LỤC	76
	Phụ lục 1 Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....	76
	Phụ lục 2 Điều lệ Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu Công ty niêm yết	76
	Phụ lục 3 Báo cáo kiểm toán vốn.....	76
	Phụ lục 4 Báo cáo Quyết toán Quý II năm 2008	76
	Phụ lục 5 Báo cáo kiểm toán 2006 và 2007	76

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Việc Việt Nam chính thức trở thành thành viên của tổ chức Thương Mại Thế Giới WTO năm 2007 đã đưa đến những cơ hội làm ăn mới nhưng đồng thời cũng tạo ra những thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước do phải chịu sự cạnh tranh của các sản phẩm, hàng hóa nước ngoài. Người tiêu dùng giờ đây có nhiều khả năng lựa chọn hơn vì vậy đã ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp, đặc biệt là đối với ngành công nghiệp chế biến thực phẩm vì bất cứ sự thay đổi nào về sự lựa chọn và hành vi của người tiêu dùng đều gây khó khăn cho hoạt động của các doanh nghiệp.

Bên cạnh đó mức lạm phát cao (18,44% trong 06 tháng đầu năm 2008), sự biến động của lãi suất ngân hàng, tỷ giá hối đoái,... cũng ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về pháp luật

Hệ thống pháp luật của Việt Nam chưa thật hoàn chỉnh và còn nhiều quy định chồng chéo, chưa thật sự tạo ra được môi trường đầu tư ổn định cho các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sự khác biệt giữa luật Việt Nam và luật nước ngoài cũng là một nhân tố rủi ro đối với các doanh nghiệp xuất khẩu.

Luật pháp của các nước nhập khẩu thủy sản ngày càng thể hiện chính sách bảo hộ mậu dịch hoặc đưa ra các tiêu chuẩn mới về an toàn vệ sinh thực phẩm, các rào cản kỹ thuật thường gây tác động đến việc sản xuất và xuất khẩu.

3. Rủi ro về thị trường

Thị trường xuất khẩu truyền thống của Công ty là Mỹ, EU, Nhật Bản và Hồng Kông là những thị trường khó tính và có nhiều biến động. Những quy định về chất lượng ngày càng cao của sản phẩm nhập khẩu vào EU, Mỹ, các rào cản về thuế,... là những nhân tố có thể làm thu hẹp thị trường xuất khẩu, ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Việc Mỹ và các nước EU áp dụng “mức thuế chống bán phá giá” đối với các sản phẩm thủy hải sản xuất khẩu của Việt Nam thật sự là một trở ngại lớn mà Công ty cần phải vượt qua.

4. Rủi ro ngành nghề

Rủi ro về nguyên vật liệu :

Khả năng khai thác thủy sản phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết tự nhiên. Nguồn nước bị ô nhiễm, môi trường sinh thái biến động, con giống bị nhiễm bệnh,... là những nhân tố ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động thu mua nguyên liệu của Công ty. Ngoài ra việc cạnh tranh thu mua nguyên liệu giữa các đơn vị trong ngành đã ảnh hưởng đến giá cả nguyên liệu và tình hình ổn định sản xuất của Công ty.

Hiện nay hầu hết các đơn vị chế biến thủy hải sản đều chưa có vùng nuôi riêng vì vậy chưa có khả năng kiểm soát chất lượng cũng như số lượng của nguồn nguyên liệu dẫn đến tình trạng không ổn định được nguồn cung ứng nguyên liệu: vào mùa vụ thì thừa, mùa trái vụ thì thiếu .

Rủi ro về nguồn nhân lực: Ngành thủy sản là một ngành cần nguồn nhân lực lớn vì vậy sự biến động về nguồn cung ứng lao động luôn là một nguy cơ đối với Công ty.

5. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như: bão lụt, dịch bệnh, hỏa hoạn,... tuy ít và khó khả năng xảy ra nhưng nếu có sẽ có tác động lớn đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Võ Thành Tiên	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Bà Phạm Thị Hường	Chức vụ: Tổng giám đốc
Ông Trần Hoàng Giang	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Ông Dương Ngọc Thới	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật:	Ông Bùi Việt
Chức vụ:	Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCK Tp.HCM: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty: Công ty Cổ phần Chế biến & Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex
- CADOVIMEX: Tên viết tắt Công ty Cổ phần Chế biến & Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex
- CAD: Tên viết tắt cổ phiếu Cadovimex
- DAS: Tên viết tắt Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.
- Luật Chứng khoán: Luật Chứng khoán được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006.
- HĐQT: Hội đồng Quản trị
- BKS: Ban Kiểm soát
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HOSO: Tôm sú nguyên con
- HLSO: Tôm sú, tôm thẻ, tôm chì, bỏ đầu



- Raw PD: Tôm sú bỏ đầu, lột hết vỏ, xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc thứ 5
- Raw PTO: Tôm sú bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến đốt thứ 5, để lại đốt đuôi, xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc thứ 5
- Cooked PD: Tôm sú bỏ đầu, lột hết vỏ, xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc thứ 5, hấp chín
- Cooked PTO: Tôm sú bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến đốt thứ 5, để lại đốt đuôi, xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc thứ 5, hấp chín
- Ezpeel: Tôm sú, tôm chì bỏ đầu, cắt vỏ 5 đốt từ đốt đầu tiên đến hết đốt thứ 5, cắt dọc sống lưng.
- PUD: Tôm thẻ, tôm chì lột đầu bỏ vỏ
- PD: Tôm thẻ. Tôm chì lột đầu bỏ vỏ, rút tim
- VASEP: Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam
- SSOP: Sanitation Standard Operating Procedure - Quy phạm vệ sinh quy định quy trình và các thủ tục kiểm soát vệ sinh tại nhà máy
- GMP: Good Manufacturing Practices - Quy phạm sản xuất quy định các biện pháp, thao tác thực hành cần tuân thủ đảm bảo sản xuất ra những sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng
- ISO 9001:2000 – 14001:2004: International Organization for Standardization
- BRC: British Retail Consortium – Hiệp hội bán lẻ Anh Quốc
- IFS: International Food Standards – Tổ chức Tiêu chuẩn Thực phẩm Quốc tế
- US HACCP: US Hazard Analysis and Critical Control Point – Bộ Quy tắc Đánh giá và Kiểm soát điểm tới hạn của Hoa Kỳ
- ACC: Aquaculture Certification Council - Ủy ban Chứng nhận Thủy sản
- SQF 2000: Safe Quality Foods 2000 – Bộ quy tắc Thực phẩm Chất lượng An toàn 2000
- SA 8000: Social Accountability 8000 – Bộ Quy tắc An toàn Xã hội 8000
- HALAL: Foods Certified as Muslim – Approved – Chứng nhận Thực phẩm phù hợp với Hồi Giáo

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu Công ty

- Tên gọi Công ty: Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản CADOVIMEX
- Tên giao dịch đối ngoại : CADOVIMEX SEAFOOD IMPORT-EXPORT AND PROCESSING JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : CADOVIMEX-VIETNAM
- Địa chỉ : Khóm 2, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau



- Điện thoại : (0780) 889050 Fax : (0780) 889067
- Email : Cadovimex@cdv.vnn.vn
- Website : <http://www.cadovimex.com>
- Nhãn mác sản phẩm : CADOVIMEX, DRAGON
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000045 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tỉnh Cà Mau cấp ngày 01/02/2005, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 21/08/2008
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:
 - Chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng nông lâm thủy sản;
 - Nhập khẩu vật tư, nguyên vật liệu, hàng hoá tiêu dùng trang thiết bị máy móc phục vụ cho sản xuất và đời sống;
 - Nhận thực hiện các dịch vụ thương mại: Nông lâm thủy sản và xuất nhập khẩu trong và ngoài nước;
 - Đầu tư nuôi trồng, khai thác thủy sản;
 - Kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
 - Dịch vụ vận tải hàng hóa.
- Sản phẩm dịch vụ chính: Chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng thủy hải sản.
- Mã số thuế: 2000102580
- Công ty Cổ phần Chế biến và XNK Thủy sản Cadovimex là thành viên của Hiệp hội Chế biến Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam vào ngày 12/06/1998, là thành viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam vào ngày 11 tháng 07 năm 1998
- Công ty thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn HACCP, ISO 9001 : 2000 và BRC 2000
- Công ty có tài khoản giao dịch tại các Ngân hàng:

Tên Ngân hàng	Tài khoản tiền gửi VND	Tài khoản tiền gửi USD
Ngân hàng No&PTNT Cà mau	421101.106.006	422101.37.307008
Ngân Hàng VCB Cà Mau	019.1.00.000015.9	019.1.37.000114.7
Ngân hàng ĐTPPT Cà Mau	7801.0000001300	7801.0000007144
Ngân hàng Công Thương Cà Mau	710A.00099	102020000037988

- **Tổng mức vốn kinh doanh (thời điểm 30/06/2008) : 178.425.830.691**
 - Vốn điều lệ 80.000.000.000
 - Thặng dư vốn 84.201.750.000
 - Vốn khác của chủ sở hữu 7.089.874.664
 - Quỹ dự phòng tài chính 5.725.112.844
 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.409.093.183

- Cơ cấu vốn cổ phần tính đến 30/06/2008:

Danh mục	1.000đ	%	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Vốn cổ phần	80.000.000	100,00	384	5	379
- Cổ đông sáng lập	15.461.960	19,33	8	0	8
- Cổ đông lớn (5%)*	19.551.900	24,44	3	2	1
- Cổ đông khác	44.986.140	56,23	373	3	370
Trong đó					
- Vốn nhà nước	0	0,00	0	0	0
- Vốn nước ngoài**	11.925.980	14,91	5	0	5

(*) có 01 cổ đông sáng lập (vừa là cổ đông lớn) nắm giữ 487.198 cổ phần chiếm 6,09%

(**) có 02 cổ đông sáng lập nắm giữ 612.198 cổ phần chiếm 7,65%

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1985 Công Ty Liên Hiệp Thủy Sản Cái Nước được thành lập, ngành nghề kinh doanh là thu mua chế biến tôm, cá, mực đông lạnh cung ứng hàng xuất khẩu cho các đơn vị trong và ngoài tỉnh Cà Mau.

Huyện Phú Tân tỉnh Cà Mau nơi hiện nay là trụ sở chính của Công ty CADOVIMEX, là vùng có môi trường sinh thái tự nhiên rất phù hợp cho các loại thủy sản, nhất là các giống tôm sinh sản và phát triển. Nơi đây được xem như “mỏ tôm” của cả nước, với trữ lượng tôm tự nhiên rất lớn, riêng phần khai thác tự nhiên cũng đạt sản lượng hàng trăm tấn/ngày.

Giai đoạn 1975-1984 Công ty thủy sản đã ra đời với tiền thân là Công ty Liên hiệp Thủy Sản Cái Nước, liên doanh giữa tỉnh và huyện, với chức năng thu mua và bán nguyên vật liệu cho các Công ty chế biến xuất khẩu thủy sản lớn của tỉnh và ngành thủy sản Việt Nam.

Năm 1985, trước những yêu cầu bảo quản chất lượng nguyên liệu, tiết kiệm chi phí, khai thác tốt hơn tiềm năng của khu vực, lãnh đạo tỉnh đã quyết định xây dựng một nhà máy đông lạnh với công suất và thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu chế biến và xuất khẩu, và Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Cái Đôi Vàm được thành lập.

Năm 1989, sau 4 năm xây dựng, cụm làng cá và dàn máy chuyên sản xuất tôm đông lạnh xuất khẩu đã hoàn thành và cung ứng nguyên vật liệu cho các Công ty xuất khẩu của tỉnh và ngành thủy sản, tuy nhiên đến thời điểm này công ty vẫn chưa có chức năng xuất khẩu.

Đến năm 1997 trước yêu cầu mở cửa hội nhập, chủ trương của Đảng, Nhà nước thông thoáng hơn, cho phép có doanh nghiệp được xuất khẩu trực tiếp hàng hóa. Ngày 28/03/1997 Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Cái Đôi Vàm chuyển thành Công ty Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Cái Đôi Vàm (CADOVIMEX) có chức năng xuất nhập khẩu với số vốn là **11.471.000.000đ**



Trong đó: Vốn cố định: 9.512.000.000đ
 Vốn lưu động: 1.959.000.000đ

Chức năng, nhiệm vụ của CADOVIMEX lúc thành lập:

- Chế biến đông lạnh và kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng thủy sản Việt Nam.
- Nhận thực hiện dịch vụ xuất, nhập khẩu ủy thác.

Năm 2005, đứng trước yêu cầu tiếp tục đổi mới, theo quyết định số 874/QĐ-CTUB ngày 30/11/2004 của UBND tỉnh Cà Mau, Ban Giám đốc Công ty đã mạnh dạn lập phương án cổ phần hoá 100% và chính thức hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 6103000045 ngày 01/02/2005 của Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Cà Mau.

Lĩnh vực hoạt động, ngành nghề kinh doanh:

- Chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng nông lâm thủy sản;
- Nhập khẩu vật tư, nguyên vật liệu, hàng hoá tiêu dùng trang thiết bị máy móc phục vụ cho sản xuất và đời sống;
- Nhận thực hiện các dịch vụ thương mại: Nông lâm thủy sản và XNK trong và ngoài nước;
- Đầu tư nuôi trồng, khai thác thủy sản.

Vốn điều lệ: 25.000.000.000đ

Sau khi cổ phần hóa, hoạt động kinh doanh của Công ty đã trở nên linh động hơn, doanh số xuất khẩu và hiệu quả kinh doanh đã tăng trưởng mạnh mẽ. Ban Giám đốc Công ty thông qua Đại hội Cổ đông bổ sung tăng vốn lên 37.500.000.000đ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ Phần số 6103000045 ngày 09/08/2006. Tổng số vốn điều lệ đã được nâng lên 50.000.000.000 đồng tại thời điểm 16/03/2007; 62.922.000.000 đồng tại thời điểm 01/06/2007 và đến 24/01/2008 tổng số vốn điều lệ của Công ty đã được nâng thành 80.000.000.000 đồng.

Qua 18 năm hoạt động, CADOVIMEX luôn phát triển và không ngừng lớn mạnh, đơn vị đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng I, phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bình chọn là “Doanh nghiệp làm ăn hiệu quả” Đồng bằng sông Cửu Long 1997-2003.

Với đội ngũ gần 2.000 công nhân lao động lành nghề, hàng trăm cán bộ kỹ thuật, kỹ sư chuyên ngành được đào tạo chính quy, luôn nghiên cứu tìm tòi để phát triển tối đa năng lực sản xuất, nên các sản phẩm của CADOVIMEX luôn được cải tiến và nâng cao về chất lượng, đa dạng về chủng loại, và đặc biệt CADOVIMEX luôn giữ chữ tín trên thương trường về thời gian giao hàng và phong cách kinh doanh.

Hiện nay ngoài một số thị trường truyền thống như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hồng Kông, sản phẩm của CADOVIMEX đã có mặt tại Trung Đông, Bắc Mỹ. Với phương châm hợp tác kinh doanh trên tinh thần bình đẳng, đôi bên cùng có lợi, CADOVIMEX đã thiết lập được mối quan hệ làm ăn lâu dài với hàng chục Công ty lớn, nhỏ ở các nước Mỹ, Nhật, Bỉ, Ý, Hà Lan, Pháp, Hồng Kông.

Trong chương trình phát triển của mình CADOVIMEX luôn mở rộng mối quan hệ với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, rất hoan nghênh và sẵn sàng hợp tác trên các lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy hải sản với tất cả các đối tác có đủ điều kiện và nhu cầu.



1.3 Những thành tựu đã đạt được

Công ty đạt được các khen thưởng sau:

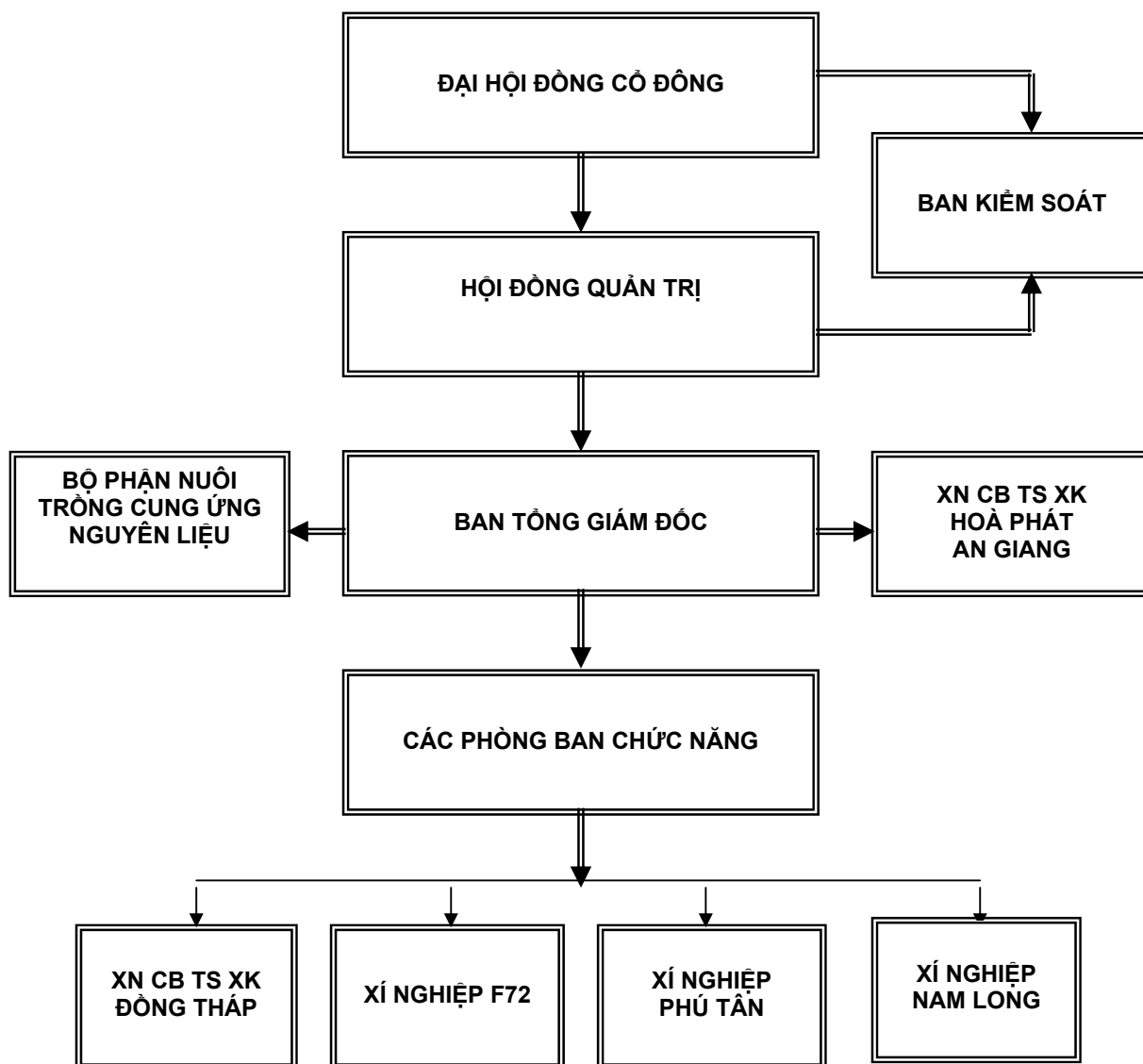
- Năm 1997 – 2000, đạt danh hiệu Doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả Đồng bằng Sông Cửu Long, tại Hội chợ triển lãm EXPO trao tặng
- Năm 1995-1997 Thủ Tướng Chính Phủ tặng Bằng khen
- Năm 1996, 1997, 1999, 2002 Bộ Thủy Sản tặng cờ thi đua xuất sắc
- Năm 1999 nhận Bằng khen về thành tích phong trào văn hóa văn nghệ do Bộ Văn Hóa Thông Tin tặng
- Năm 2001, đạt Huân chương lao động hạng nhất do Chủ tịch nước trao tặng
- Năm 2003, 2006, đạt giải thưởng “Sao vàng Đất Việt” do Ủy ban Trung ương Hội Liên Hiệp Thanh Niên Việt Nam trao tặng
- Năm 2003 đạt giải thưởng “ Mai Vàng Hội Nhập”
- Năm 2004 nhận Bằng khen về thành tích An ninh Quốc phòng do Bộ Công An tặng
- Năm 2005, đạt danh hiệu “Doanh nghiệp uy tín chất lượng” do Ban tổ chức mạng doanh nghiệp Việt nam trao tặng
- Năm 2006, đạt giải cúp vàng thương hiệu Việt “Uy tín chất lượng” do mạng Thương hiệu trao tặng.
- Năm 2001 đến 2005 nhận Bằng khen về thành tích xuất khẩu do Bộ Thương Mại trao tặng
- Ngoài ra, Công ty còn được trao tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thủy Sản, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Văn hóa Thông tin,...

1.4 Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

- Tôm đông IQF : HLSO, Raw PD, Raw PTO, Cooked PD, Cooked PTO
- Tôm đông block : HLSO, Ezpeel, PD, PUD
- Tôm nguyên con
- Mực, Bạch tuộc đông IQF
- Mực, Bạch tuộc đông block
- Cá biển các loại nguyên con, file, cắt khúc đông lạnh
- Cá tra, Basa file đông lạnh xuất khẩu
- Nhiều sản phẩm cao cấp đóng gói nhỏ bán ra thẳng siêu thị

2. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CADOVIMEX



2.1 Công ty Cổ Phần Chế Biến & XNK Thủy Sản Cái Đôi Vàm

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngành nghề kinh doanh:

- Chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng nông lâm thủy sản;
- Nhập khẩu vật tư, nguyên nhiên vật liệu, hàng quá tiêu dùng trang thiết bị máy móc phục vụ cho sản xuất và đời sống;
- Nhận thực hiện các dịch vụ thương mại: Nông lâm thủy sản và XNK trong và ngoài nước;
- Đầu tư nuôi trồng, khai thác thủy sản; Kinh doanh xăng, dầu, nhớt.

2.2 Các Xí nghiệp trực thuộc

Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Hoà Phát AN GIANG

Địa chỉ: Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Ngành nghề kinh doanh: Chế biến thủy sản xuất khẩu

Bộ phận nuôi trồng cung ứng nguyên liệu

Địa chỉ: Xã Phú Sơn, Mỏ Cày, Tỉnh Bến Tre

Ngành nghề kinh doanh: Nuôi cá nguyên liệu cung ứng cho các Xí nghiệp chế biến

Xí nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu CADOVIMEX-ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Sa Đéc-Đồng Tháp

Ngành nghề kinh doanh: Chế biến hàng thủy sản xuất khẩu

Xí nghiệp 72

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau

Ngành nghề kinh doanh: Chế biến hàng thủy sản xuất khẩu

Xí nghiệp Phú Tân

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau

Ngành nghề kinh doanh: Chế biến hàng thủy sản xuất khẩu

Xí nghiệp Nam Long

Địa chỉ: thị trấn Đầm Cù, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau

Ngành nghề kinh doanh: Chế biến hàng thủy sản xuất khẩu

Các phòng ban chức năng

Phòng Tổ Chức Hành Chánh

Phòng Kinh Tế Kế Hoạch

Phòng Kinh Doanh

Phòng Quản Lý Chất Lượng

Phòng Cơ Điện Lạnh & Xây Dựng Cơ Bản

Đội Kiểm Soát

Chi Nhánh TP HCM

Văn Phòng Cà Mau

2.3 *Nhiệm vụ, chức năng quyền hạn*

Tổng Giám đốc Công ty

- Là người đại diện toàn quyền của Công ty quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD;
- Tổng Giám đốc lãnh đạo chung mọi hoạt động của Công ty, ngoài việc lãnh đạo trực tiếp một số nhiệm vụ, Tổng Giám đốc còn kiểm tra giám sát các cấp lãnh đạo khác thông qua Phó Tổng Giám đốc về mọi hoạt động SXKD của Công ty;
- Tổng Giám đốc quản lý Công ty theo chế độ một thủ trưởng theo luật doanh nghiệp và trên cơ sở điều lệ của Công ty;
- Tổng Giám đốc lãnh chỉ đạo trực tiếp công tác tổ chức và công tác cán bộ, mọi việc thu nhận, cho nghỉ việc, điều động, bổ nhiệm các cấp phó phòng do Tổng Giám đốc quyết định (trừ việc thu nhận cho nghỉ việc công nhân HĐLĐ ngắn hạn, Tổng Giám đốc giao cho trưởng phòng TC-HC quyết định);
- Tổng Giám đốc trực tiếp giải quyết mọi vấn đề của Công ty khi Tổng Giám đốc có mặt ở Công ty (trừ một số quyền hạn được ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc giải quyết).

Phó Tổng Giám đốc

Là người giúp việc cho Tổng Giám đốc thường trực tại trụ sở chính của Công ty trong việc giải quyết những vấn đề sau đây:

- Quản lý tất cả các phòng ban thuộc khối văn phòng chính của Công ty, giải quyết tốt các mối quan hệ giữa các phòng ban với nhau, trên cơ sở các nội qui, qui chế, qui định, định mức của Công ty và qui định của pháp luật nhà nước;
- Triển khai tổ chức thực hiện, kiểm tra đôn đốc, giám sát chấn chỉnh các Phòng, Ban chức năng của Công ty trong việc thực hiện chủ trương quyết định của Tổng Giám đốc công ty, nội qui, qui chế, qui định, định mức về SXKD mà Công ty đã ban hành, trên cơ sở từ thực tiễn điều hành SXKD từng giai đoạn, đề xuất với Tổng Giám đốc những chủ trương biện pháp mới hoặc đề xuất thay đổi những qui định, định mức cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty;
- Thực hiện cải tiến liên tục các chương trình quản lý chất lượng theo HACCP, GMP, SSOP, BRC từng bước đưa vào thực hiện 100% các chương trình nêu trên trong toàn bộ các lĩnh vực có liên quan đến chất lượng sản phẩm.

Giám đốc Xí nghiệp

- Thu mua sản xuất hàng hóa theo yêu cầu của Công ty về số lượng, giá cả, chủng loại, kích cỡ hàng hóa,... điều phối sản xuất thu mua đạt yêu cầu chỉ tiêu đề ra;
- Quản lý sản xuất theo đúng qui trình, qui phạm và định mức SXKD theo qui định của Công ty;
- Quản lý bộ máy theo đúng nội qui, qui chế, qui định của Công ty và đúng pháp luật Nhà nước;



- Quản lý máy móc thiết bị an toàn, tiết kiệm, tìm mọi biện pháp phát huy hết công suất máy móc thiết bị tài sản có tại XN;
- Tổ chức đào tạo tại chỗ nâng cao tay nghề cho CBCNV, nhằm đưa sản xuất ngày càng phát triển về năng suất, chất lượng và hiệu quả;
- Tổ chức các phong trào thi đua phát huy những nhân tố tích cực, thực hành tiết kiệm chống lãng phí để hạ giá thành sản phẩm;
- Tổ chức quản lý vật tư tài sản, tiền vốn tại XN an toàn, tiết kiệm và đạt hiệu quả cao;
- Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các phòng ban chức năng của Công ty trong việc điều hành mọi vấn đề của SXKD đặt ra;
- Là đơn vị trực thuộc hạch toán theo phương thức báo sổ do vậy phải triệt để chấp hành các nguyên tắc hạch toán kế toán theo đúng qui định của pháp luật Nhà nước đồng thời chấp hành thực hiện đúng qui định, qui chế của Công ty về sổ sách hạch toán và báo cáo kế toán, đảm bảo số liệu phải đầy đủ, chính xác, kịp thời.

Phòng Kinh tế Kế hoạch

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, quản lý tình hình sử dụng vốn, tài sản, chi phí và hiệu quả SXKD trên tất cả các lĩnh vực trong toàn Công ty;
- Tổ chức thực hiện tốt công tác kế toán thống kê, hạch toán đầy đủ, chính xác kịp thời mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng pháp luật của Nhà nước và điều lệ qui định của Công ty;
- Thực hiện kịp thời, đầy đủ việc phân tích, đánh giá kết quả hoạt động của các Xí nghiệp thành viên và của Công ty;
- Thực hiện báo cáo chính xác kịp thời tình hình tài chính và hiệu quả kinh tế của Công ty cho BGD và cấp trên theo đúng qui định của nhà nước và qui chế của Công ty;
- Tổng hợp nhu cầu từ các XN, phòng ban, phân xưởng về vật tư, bao bì, công cụ dụng cụ,... tổ chức hợp đồng thu mua và cung ứng đầy đủ kịp thời cho yêu cầu sản xuất;
- Lập và theo dõi thực hiện kế hoạch SXKD và giá thành sản phẩm của Công ty theo từng tháng, quý, năm đề nghị điều chỉnh giá thành và chi phí một cách kịp thời và phù hợp, xây dựng kế hoạch SXKD và giá thành sản phẩm một cách khoa học, phù hợp với tình hình thực tế của SXKD trong từng giai đoạn;
- Kiểm tra chặt chẽ việc quản lý vốn hàng hóa, tài sản, tiền mặt chi phí của Công ty đảm bảo an toàn, hiệu quả không bị chiếm dụng, không thanh toán lãng phí ở tất cả phòng ban văn phòng, chi nhánh, phân xưởng, XN của Công ty;
- Kiểm tra chặt chẽ tính khách quan chính xác, đúng định mức qui định của tất cả các chi phí trong hoạt động SXKD của Công ty, giá mua nguyên liệu, định mức vật tư, công cụ, tài sản, chi phí trong quá trình lưu thông, trong sản xuất tại XN, phân xưởng phát hiện kịp thời những tiêu cực hoặc sai sót (nếu có).

Phòng Quản lý Chất lượng & Phát triển Sản phẩm

- Đề ra các qui trình, qui phạm quản lý chất lượng cho tất cả các loại sản phẩm mà Công ty đã, đang và sẽ sản xuất;

- Thực hiện cải tiến quản lý chất lượng theo HACCP, GMP, SSOP, BRC và hoàn thiện quản lý chất lượng theo ISO phù hợp với điều kiện cụ thể của Công ty và đòi hỏi của thị trường;
- Thực hiện việc giám sát, kiểm tra, đôn đốc các Xí nghiệp và tất cả các thành viên trong Công ty thực hiện đúng qui định, qui trình, qui phạm quản lý chất lượng sản phẩm đã được ban hành;
- Thực hiện thường xuyên việc cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, từ bao bì, mẫu mã sản phẩm đến chất lượng bên trong sản phẩm (sáng tạo, chế biến sản phẩm mới) đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của thị trường;
- Thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra, thanh tra đánh giá điều kiện sản xuất, khuyến cáo giúp các Xí nghiệp luôn luôn giữ vững điều kiện sản xuất (an toàn, vệ sinh, ngăn nắp) phù hợp với qui định của thị trường EU cũng như các thị trường khác. Hàng tháng phân công cán bộ giám sát điều kiện sản xuất của các Xí nghiệp có sản xuất gia công hàng cho Công ty, khuyến cáo và hỗ trợ các công ty này cải tiến quy trình sản xuất, để Công ty có thể mua được sản phẩm an toàn về chất lượng;
- Quản lý chặt chẽ việc kiểm tra cảm quan, vi sinh đối với sản phẩm cuối cùng trước khi xuất cho khách hàng, đảm bảo an toàn chất lượng phù hợp với từng khách hàng cụ thể;
- Quản lý chặt chẽ kích cỡ mẫu mã chất lượng bao bì, đảm bảo bao bì đúng kích cỡ và mẫu mã đẹp (Phối hợp chặt chẽ với phòng Kế Hoạch Kinh doanh);
- Phối hợp với phòng TC-HC thường xuyên tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề và trình độ quản lý chất lượng cho CBCNV ở 2 Xí nghiệp.

Phòng Kinh doanh

- Theo dõi ký kết và thực hiện các hợp đồng đã ký với khách hàng, triển khai nhanh, chính xác các yêu cầu chất lượng bao bì, mẫu mã sản phẩm của khách hàng cho phòng QLCL & PTSP và 2 Xí nghiệp, theo dõi chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng vận chuyển, bốc xếp, giao nhận hàng hóa cho khách hàng, đảm bảo ngăn nắp kho hàng, an toàn về chất lượng và đúng thời hạn hợp đồng được ký kết;
- Kiểm tra tiến độ và hiệu quả của việc thực hiện các hợp đồng mà Công ty đã ký kết, đảm bảo thực hiện tốt nhất các điều kiện thỏa thuận của hợp đồng mà Công ty đã ký kết;
- Kiểm tra việc giao nhận, đảm bảo an toàn hiệu quả giảm chi phí, kiểm tra tổng quát các hoạt động của phòng KD XNK về gia công bên ngoài đảm bảo giảm chi phí, tăng hiệu quả, phòng chống lãng phí và tiêu cực;
- Cùng với Phó Tổng Giám đốc thực hiện thường xuyên việc phân tích định mức chế biến, tìm ra nguyên nhân chấn chỉnh kịp thời hàng ngày, liên tục những sai sót xảy ra trong quá trình thu mua và sản xuất, luôn bàn bạc phân tích và gắn kết trách nhiệm giữa thu mua và sản xuất CLSP và hiệu quả Công ty;
- Kiểm tra đôn đốc hoạt động liên kết giữa chi nhánh tại Tp. HCM và phòng Kinh doanh, phòng Quản lý chất lượng và Phát triển sản phẩm trong việc sản xuất, cải tiến mẫu mã, nghiên cứu mặt hàng mới, thực hiện các biện pháp bán hàng để kinh doanh hàng thủy sản nội địa đạt hiệu quả;



- Cân đối theo dõi tiến độ sản xuất, thực hiện hợp đồng, báo cáo đề xuất tiến độ bán hàng, mặt hàng, kích cỡ hàng cần bán, hạn chế tối đa hàng tồn kho (cả nguyên vật liệu và thành phẩm). Quản lý chặt chẽ hệ thống kho hàng hóa, điều động hàng hóa nhập, xuất kho, vận chuyển nhanh chóng kịp thời nhưng tiết kiệm và hiệu quả;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất của từng thời điểm sau khi xác định bao bì tồn kho, lập kế hoạch bao bì vật tư, vật dụng đóng gói kịp thời cho 2 Xí nghiệp (theo kích cỡ mẫu mã phòng Quản lý Chất lượng cung cấp);
- Cân đối giá bán, đề xuất giá mua đảm bảo cạnh tranh và có hiệu quả, thường xuyên theo dõi, cân đối hiệu quả kinh doanh từng thương vụ, từng khách hàng, nhằm cung cấp kịp thời các thông tin để Ban Giám đốc có chiến lược, sách lược kinh doanh cụ thể;
- Xác định yêu cầu tiêu thụ sản phẩm thủy sản tại các thị trường trong nước về số lượng, chủng loại, giá cả, hình thức, tham mưu cho Tổng Giám Đốc Công ty quyết định sản xuất và tiêu thụ kịp thời có hiệu quả kinh tế các mặt hàng theo yêu cầu của thị trường;
- Cùng với phòng QLCL quan tâm triển khai sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thủy sản nội địa (hàng bán siêu thị, vùng Tây Nguyên, vùng miền núi);
- Theo dõi chặt chẽ nhu cầu của thị trường từng thời điểm, nắm bắt điều kiện sản xuất tình hình, cơ cấu, chủng loại nguyên liệu ở các Xí nghiệp bạn, tỉnh bạn để tổ chức quan hệ mua bán gia công nhằm tăng sản lượng và hiệu quả kinh doanh của Công ty, nhưng vẫn đảm bảo an toàn về chất lượng và giữ uy tín với khách hàng;
- Liên hệ với phòng QLCL điều động quản lý lực lượng KCS mua hàng bên ngoài đảm bảo an toàn chất lượng sản phẩm Công ty mua, và chịu trách nhiệm về thiệt hại nếu công tác kiểm hàng không khách quan, không chính xác gây ra thiệt hại cho Công ty;
- Tổ chức kinh doanh hàng nhập khẩu khi có điều kiện và đảm bảo an toàn hiệu quả.

Phòng Cơ điện lạnh & Xây dựng Cơ bản

- Quản lý vận hành hệ thống điện, điện lạnh, nước một cách khoa học, đáp ứng đủ cho yêu cầu SXKD, đảm bảo an toàn tiết kiệm;
- Thường xuyên cải tiến kỹ thuật tìm mọi biện pháp giảm chi phí điện, nước, hao hụt nhiên liệu, tổ chức khoán điện nước đến tổ, nhóm, phân xưởng, xí nghiệp, công nhân đảm bảo thực hành tiết kiệm chống lãng phí;
- Thường xuyên kiểm tra điện và những chi phí khác liên quan đến quản lý tài sản, máy móc thiết bị đảm bảo an toàn, tiết kiệm chống tiêu cực, lãng phí;
- Theo dõi sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị đúng qui trình, đúng định kỳ, hạn chế tối đa việc xảy ra sự cố bất ngờ, không để cho máy móc thiết bị xuống cấp;
- Làm tham mưu cho BGĐ Công ty trong việc mua sắm, nâng cấp bảo dưỡng hệ thống máy móc thiết bị tại các Xí nghiệp một cách có hiệu quả;
- Kiểm tra, theo dõi quản lý tổ sửa chữa, kịp thời sửa chữa các hư hỏng điện, nước, công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất, tài sản cố định khác một cách tiết kiệm mà hiệu quả;
- Lập các phương án thiết kế xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn mua sắm tài sản cố định cho toàn Công ty theo đúng trình tự qui định của Nhà nước tùy từng loại hình và

mức độ đầu tư, đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật, giá thành hợp lý và phục vụ thiết thực cho SXKD.

Phòng Tổ chức Hành chính

- Làm tham mưu cho BGĐ Công ty trong việc quản lý nhân sự trong toàn Công ty, sắp xếp bố trí nhân sự một cách phù hợp cho SXKD, tránh nơi thừa, nơi thiếu, phù hợp với sở trường khả năng của từng người;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc kiểm tra vấn đề về tuyển dụng, cho thôi việc đối với người lao động, quản lý ngày giờ công lao động, khen thưởng, cách chức, sa thải lao động, kiểm tra việc thực hiện qui chế, qui định về tiền lương, tiền thưởng, các chính sách khác đối với người lao động đảm bảo đúng nội qui, qui định của Công ty và đúng qui định của luật lao động;
- Quản lý tài sản, văn bản, công văn đến, công văn đi, tiếp tân, khánh tiết, cảnh quan, môi trường, những thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động của Công ty, quản lý y tế sức khỏe CBCNV, phòng chống cháy nổ, ANTT, an toàn tính mạng tài sản CBCNV và Công ty, đáp ứng yêu cầu đi lại đưa đón khách hàng của Công ty và những cán bộ có chức trách, kiểm tra chặt chẽ việc quản lý con dấu và các tài sản khác dùng cho an ninh và phúc lợi giao cho phòng TCHC quản lý;
- Nắm bắt tình hình diễn biến tư tưởng, biến động lao động trong toàn Công ty, báo cáo kịp thời cho Ban Giám đốc;
- Quản lý theo dõi ngày giờ công lao động, năng suất lao động của từng cá nhân, từng bộ phận chống lãng phí lao động, thực hiện công tác trả lương kịp thời, chính xác đúng hợp đồng, đúng người, đúng việc, đúng hiệu quả lao động và đúng luật lao động;
- Quản lý các phương tiện đi công tác một cách sạch sẽ, ngăn nắp, an toàn đáp ứng kịp thời mọi yêu cầu công tác;
- Quản lý chặt chẽ tài sản, công cụ dụng cụ tại các khu văn phòng làm việc, nhà ở công nhân, sắp xếp nơi làm việc, ăn ở sinh hoạt cho các phòng ban và CBCNV một cách văn minh, gọn gàng, sạch đẹp;
- Quản lý chặt chẽ các thủ tục hành chính của Công ty, công văn đến, công văn đi, có sổ lưu trữ khoa học;
- Quản lý vệ sinh môi trường, cải thiện cảnh quan trong toàn Công ty ngày càng sạch đẹp;
- Thực hiện thu nhận tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, đề bạt cất nhắc, cách chức, kỷ luật CBCNV theo đúng chủ trương yêu cầu của HĐQT và TGD Công ty và phù hợp với luật lao động Nhà nước đã ban hành;
- Thực hiện công tác qui hoạch đào tạo cán bộ trong từng giai đoạn cụ thể theo chủ trương của HĐQT và TGD Công ty, phối hợp với các phòng chức năng khác thường xuyên tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề, nghiệp vụ cho CBCNV;
- Theo dõi và thực hiện chăm sóc sức khỏe, khám định kỳ cho CBCNV, thực hiện các chính sách đối với người lao động (như BHYT, BHXH,...) theo đúng qui định của Nhà nước;

- Kết hợp với các đoàn thể quần chúng phát động và tổng kết các phong trào thi đua, nêu gương người tốt việc tốt trên cơ sở kiểm tra việc thực hiện các nội qui, qui chế và tiêu chuẩn thi đua Công ty đã ban hành;
- Thường xuyên tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT, tạo cho được không khí hứng khởi cho toàn Công ty;
- Tổ chức kết hợp với các đơn vị chức năng trên địa bàn bảo vệ tốt an ninh trật tự và an ninh xã hội trong Công ty;
- Sắp xếp tổ chức các điều kiện cần thiết cho hội nghị, đại hội, tiếp tân, khánh tiết tại Công ty một cách đầy đủ phù hợp và tiết kiệm.

Đội Kiểm Soát

- Kiểm soát qui trình, qui phạm sản xuất tại 02 XN, kiểm tra các công đoạn sản xuất như: kích cỡ khi mua, xử lý hóa chất,... đến thành phẩm nhập kho, đảm bảo tính khách quan và đúng theo qui trình cho từng loại sản phẩm (tập trung 3 khâu ngâm hóa chất, mua sau phân cỡ và thành phẩm sau khi cấp đông đóng gói);
- Thực hiện phòng chống tiêu cực trong tất cả các khâu nhất là khâu đánh giá chất lượng nguyên liệu, phân cỡ mua hàng và thành phẩm nhập xuất kho.

Văn Phòng Cà Mau

- Là văn phòng thực hiện việc trung chuyển giao nhận hàng hóa, tiền vốn, vật tư, thiết bị, công cụ dụng cụ,... từ các nơi về Công ty và từ Công ty đi tất cả các nơi khác;
- Thực hiện các quan hệ giao dịch với Ngân hàng, theo dõi tình hình tiền vay, lãi vay, phí, thủ tục vay vốn, hiệu quả nguồn vốn vay, theo dõi việc thanh toán trả nợ vay Ngân hàng, tỷ giá bán ngoại tệ, các hợp đồng bán ngoại tệ, nắm chặt dư nợ Ngân hàng;
- Thực hiện nắm các thông tin, văn bản cần thiết từ các ngành chức năng hữu quan của Tỉnh phản ánh báo cáo kịp thời về cho BGĐ Công ty và các Phòng chức năng của Công ty, đồng thời thực hiện các quan hệ cần thiết với các cơ quan chức năng của Tỉnh để giải quyết tất cả các vấn đề (có thể giải quyết được) liên quan đến SXKD của Công ty;
- Giải quyết các thủ tục về Hải quan, kiểm dịch, Nafiquaced, Ngân hàng liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa một cách nhanh chóng, kịp thời;
- Thường xuyên nắm bắt các thông tin tại thị trường Cà Mau (các doanh nghiệp thủy sản) về sản lượng mua, giá cả mua từng ngày;
- Theo dõi và quản lý chặt chẽ chất lượng hàng hóa vật tư trong giao nhận, bốc xếp, vận chuyển, nhất là nhiệt độ xe, tàu vận chuyển hàng hóa đông lạnh, theo dõi việc thực hiện hợp đồng và kết hợp với Phòng Kinh doanh xử lý các vi phạm xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- Sắp xếp nơi ăn ở sinh hoạt cho CBCNV công tác tại Cà Mau, sắp xếp đưa đón khách theo yêu cầu của Công ty (Phòng TC-HC).

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

- Thực hiện các quan hệ giao dịch tiếp thị bán hàng ở cả thị trường trong và ngoài nước (quan tâm đúng mức đến thị trường nội địa đưa doanh số, số lượng hàng tiêu

thụ nội địa ngày càng tăng lên), hướng dẫn đưa đón thiết lập mối quan hệ nhiều mặt trong kinh doanh giữa Công ty và khách hàng (quan tâm đến thị trường khách hàng lớn, thị trường truyền thống). Nắm bắt tất cả các nguồn thông tin (càng nhiều càng tốt) về diễn biến giá cả nhu cầu từng thị trường, từng khách hàng, phản ánh kịp thời cho Tổng Giám đốc Công ty và Phòng Kinh Doanh;

- Tổ chức tham gia các cuộc hội chợ , tìm kiếm thị trường khách hàng với hiệu quả cao, chi phí thấp, chăm sóc khách hàng cũ, khách hàng lớn, nhưng đồng thời cũng thường xuyên quan tâm mở rộng thị trường, mở rộng khách hàng, thực hiện đa dạng thị trường, đa dạng khách hàng, tạo cho được mối liên kết chặt chẽ giữa sản xuất của Công ty với nhu cầu của khách hàng và ngược lại, từng bước tạo lòng tin và tạo mối quan hệ lâu dài, bền vững giữa Công ty và khách hàng;
- Liên kết chặt chẽ với Phòng Kinh Doanh và Tổng Giám đốc Công ty thực hiện liên tục công việc chào hàng, bán hàng, đảm bảo bán hết sản phẩm hàng hóa Công ty sản xuất và còn mở rộng kinh doanh bên ngoài với quy mô ngày càng lớn, an toàn và hiệu quả;
- Quan hệ chặt chẽ với Phòng Kinh Doanh và Văn Phòng Cà Mau trong việc thực hiện hợp đồng L/C giao nhận hàng hóa, đúng, đủ, đạt hiệu quả cao, không để xảy ra phiền hà với khách hàng, phản ánh kịp thời những thông tin phản hồi của khách hàng, thị trường về chất lượng sản phẩm và các vấn đề khác cho Tổng Giám Đốc Công ty và các Phòng ban chức năng để kịp thời chấn chỉnh những sai sót và phát huy những ưu điểm;
- Giám sát chặt chẽ việc giao nhận vận chuyển, lưu kho hàng hóa, nhất là nhiệt độ vận chuyển, nhiệt độ kho bảo quản, đảm bảo an toàn về chất lượng tuyệt đối không để xảy ra sự cố (kể cả hàng mẫu Công ty gửi khách hàng);
- Kiểm tra chặt chẽ các hợp đồng và L/C, thực hiện lập các bộ chứng từ xuất nhập khẩu chính xác, kịp thời đảm bảo an toàn và nhanh chóng trong thanh toán, không để khách hàng chiếm dụng vốn trong kinh doanh hay bị rủi ro trong thanh toán và giao nhận hàng hóa. Đặc biệt quan tâm đến việc thanh toán thu hồi vốn bán hàng, tránh để xảy ra tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn;
- Kiểm tra chặt chẽ việc thuê tàu sao cho đảm bảo chất lượng hàng hóa, không ảnh hưởng đến thời gian xuất hàng, đồng thời quản lý tốt chi phí thuê tàu;
- Hỗ trợ các phòng ban chức năng khác trong việc mua sắm các loại vật tư hàng hóa máy móc thiết bị tại TP.HCM để phục vụ cho nhu cầu SXKD của Công ty;
- Thực hiện chức năng hành chánh tại Chi nhánh.

**3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ và cơ cấu cổ đông**

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% lượng cổ phần: có 03 cổ đông nắm giữ trên 5% lượng cổ phần tính đến thời điểm 30/06/2008

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 30/06/2008

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	56-68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam	767.992	9,60%
2	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	180 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM, Việt Nam	700.000	8,75%
3	Huỳnh Koc Hải	18 Dantum Gve, Braybrook Vic 3019, Australia	487.198	6,09%

- Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ theo giấy chứng nhận ĐKKD ngày 01/02/2005

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Võ Thành Tiên	52.400	0,65
2	Tạ Hùng Mau	296.800	3,71
3	Trần Minh Hoàng	80.000	1,00
4	Tăng Gia Phong	51.500	0,64
5	Huỳnh Văn Long	200.000	2,50
6	Trần Ngọc Tươi	125.000	1,56
7	Huỳnh Koc Hải	125.000	1,56
8	Nguyễn Quốc Tuấn	125.000	1,56

Điều kiện hạn chế chuyển nhượng 03 năm từ ngày 01 tháng 02 năm 2005 đến ngày 01 tháng 02 năm 2008, hiện tại điều kiện ràng buộc này không còn giá trị.



- Cơ cấu cổ đông:

Bảng 3: Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông của Công ty

TT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổ chức trong nước	2.057.081	25,71%
2	Cá nhân trong nước	4.626.596	57,83%
3	Cá nhân nước ngoài	1.316.323	16,45%
4	Tổ chức nước ngoài	0	0,00%
	Tổng cộng	8.000.000	100,00%

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

▪ **Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II**

Địa chỉ: Lô III-8 Khu C mở rộng, Khu công nghiệp Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Tổng vốn điều lệ: 80 tỷ đồng

Ngành nghề kinh doanh: Đánh bắt cá nước ngọt; Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thủy sản xuất khẩu, ...

Theo giấy chứng nhận ĐKKD số 5103000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 24/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/11/2007, Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu thủy sản Cadovimex góp 74,95 tỷ đồng, chiếm 93,69% vốn điều lệ.

Tính đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Cadovimex II vẫn là 80 tỷ đồng.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 4: Giá trị và sản lượng sản phẩm qua các năm của Công ty 2005- 2006-2007 và 6T/2008

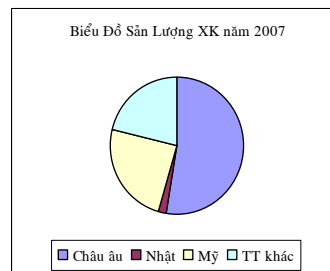
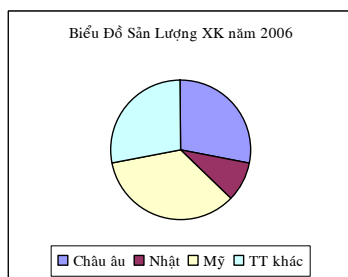
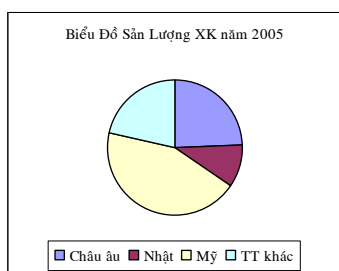
Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	6T/2008
1. Xí nghiệp Chế biến thủy sản Cadovimex F 72				
- Giá trị, triệu VNĐ	136.301,63	177.203,92	202.409,20	68.017,00
- Thành phẩm (tấn)	1.273,24	1.551,13	1.674,53	670,00
o Tôm	1.181,71	1.440,62	1.554,22	373,00
o Mực	91,53	111,51	120,30	297,00
2. Xí nghiệp Phú Tân DL180				
- Giá trị, triệu VNĐ	78.880,54	88.673,31	104.271,41	45.345,00



- Thành phẩm (tấn)	736,85	776,69	862,63	447,00
o Tôm	683,86	720,83	800,59	249,00
o Mực	52,99	55,86	62,04	198,00
3. Xí nghiệp Nam Long				
- Giá trị, triệu VNĐ	201.632,48	319.921,07	389.218,13	123.194,17
- Thành phẩm (tấn)	1.881,76	2.207,34	2.754,61	925,00
o Tôm	1.848,29	2.167,79	2.705,25	699,00
o Mực	33,47	39,26	48,99	226,00

Bảng 5: Cơ cấu sản lượng của Công ty theo thị trường xuất khẩu năm 2005-2006-2007 và 6T/2008

Thị trường	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007		6T/2008	
	Giá trị (USD)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Sản lượng (tấn)
Châu Âu	8.850.341,99	1.434,41	3.015.454,70	2.321,20	14.931.884	4.280,75	4.491.478,72	1.073,38
Nhật	3.406.154,08	587,03	3.215.665,70	771,60	777.782,88	151,07	216.621,00	24,20
Mỹ	33.018.047,10	2.585,49	32.584.472,30	2.833,00	26.638.008,74	2.009,99	7.396.309,79	563,52
TT khác	6.370.758,69	1.255,72	22.692.470,70	2.358,80	12.086.828,18	1.717,77	8.548.661,61	1.038,15
Tổng cộng	51.645.301,86	5.862,65	61.508.063,40	8.284,60	54.434.504,44	8.159,58	20.653.071,12	2.699,25



Trong năm 2007 có sự dịch chuyển giá trị từ thị trường Mỹ sang thị trường Châu Âu là do mặt hàng cá Basa ở thị trường Châu Âu rất được ưa chuộng, giá cả ổn định và luôn ở mức cao đặc biệt là 02 thị trường mới nổi là thị trường Nga và Ucraina.

Quý 1 và Quý 2/2008 giá thị trường Mỹ, Châu Âu và Úc khá tốt Công ty tập trung xuất hàng vào 3 thị trường này, nhất là thị trường Mỹ do thuế suất bán phá giá của thị trường Mỹ giảm từ 4,57% xuống còn 0,01%.

Trong Quý 1/2008 thị trường Nhật giá không ổn định hơn nữa thị trường Nhật kiểm tra nghiêm ngặt chất kháng sinh trong sản phẩm tôm nên trong Quý 1/2008 Công ty không xuất vào thị trường này, mà chỉ xuất khẩu một ít vào Quý 2/2008 nên doanh số khá thấp. Tuy nhiên, Công ty vẫn xác định thị trường Nhật là thị trường tiềm năng và Công ty sẽ xuất vào thị trường này khi giá tôm của thị trường này ổn định.

Từ các số liệu trên có thể thấy rằng CADOVIMEX phát triển vững chắc theo từng năm. Công ty CADOVIMEX là Công ty hàng đầu về tính đa dạng của sản phẩm, đa dạng

thị trường, đa dạng khách hàng nên phát huy được sản lượng hiệu quả và tránh được những rủi ro biến động của thị trường.

5.2 *Chủng loại và chất lượng sản phẩm*

Cadovimex có các nhóm sản phẩm chính như sau:

a. *Tôm đông lạnh*

- Tôm đông lạnh là sản phẩm chính của Công ty chiếm 86% sản lượng chế biến năm 2006 các dạng thành phẩm của tôm đông lạnh là : HOSO, HLSO, R.PTO, R.PD, C.PDTO, CPD...vv
- Sản phẩm tôm đông lạnh chia thành nhiều kích cỡ và cách đóng gói, thông thường phân ra các kích cỡ sau: 4 - 6; 6 - 8; 8 - 12; 13- 15; 16 - 20; 21 - 25; 26 - 30; 31 - 40; (số thân tôm/pound).
- Đóng gói: sản phẩm tôm đông lạnh được đóng gói dưới hai dạng chính đông rời (IQF) và đông khối (block), 2kg/block.
- Đông rời: tôm đông rời từng con cho vào túi nhựa PE hoặc PA hàn kín miệng, đóng gói 5 hay 10 gói trong 1 thùng carton và đóng đai nẹp 2 ngang 2 dọc. Tùy theo nhu cầu của khách hàng mà đóng gói các bao có trọng lượng khác nhau, thường có hai dạng 907gr và 1000gr thành phẩm/bao
- Đông khối: cho mỗi khối 1800 gr, 1814 gr hoặc 2000 gr thành phẩm, túi nhựa PE hàn kín miệng hoặc không hàn tùy theo yêu cầu của khách hàng, xếp 6 khối cùng cỡ cùng loại vào thùng carton và đóng đai nẹp 2 ngang 2 dọc.

Ngoài ra, tùy theo yêu cầu của khách hàng, sản phẩm được đóng gói theo nhiều dạng khác nhau như 1,6kg/bao, 500gr/bao, 10kg/thùng, v.v...

Bao bì sử dụng giấy carton, in nhãn hiệu phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) về quy định về nhãn hiệu hàng hóa xuất khẩu và yêu cầu của nước nhập khẩu và yêu cầu khách hàng.

Giá bán trung bình 1kg thành phẩm PTO 22USD/kg, PD 18USD/kg; HLSO 12USD/kg; HOSO 10USD/kg.

b. *Mực đông lạnh*

- Mực đông lạnh của Công ty chiếm 14% sản lượng chế biến năm 2006 các dạng thành phẩm của mực đông lạnh tôm lạnh là : Mực đông nguyên con, mực cắt khúc, mực xuyên que.
- Sản phẩm mực đông lạnh chia thành nhiều kích cỡ và cách đóng gói, thông thường phân ra các kích cỡ sau: Mực ống U-5, 5-10, 10-20, 20-40, 40-60, 60-80, 80-up (số con/kg); mực nang 10-20, 20-40, 40-60, 60-up (số con/kg); mực tua 5-15, 16-25, 26-40, 40-60, 60-up (số con/kg)
- Đóng gói: sản phẩm mực đông lạnh được đóng gói dưới hai dạng chính đông rời (IQF) và đông khối (block).



- Đông rời: mực đông rời từng con cho vào túi nhựa PE hoặc PA hàn kín miệng, đóng 10 gói trong 1 thùng carton và đóng đai nẹp 2 ngang 2 dọc. Tùy theo nhu cầu của khách hàng mà đóng gói các bao có trọng lượng khác nhau, thường có hai dạng 1.000gr thành phẩm/bao
- Đông khối: cho mỗi khối 2000 gr thành phẩm, túi nhựa PE hàn kín miệng hoặc không hàn tùy theo yêu cầu của khách hàng, xếp 6 khối cùng cỡ cùng loại vào thùng carton và đóng đai nẹp 2 ngang 2 dọc.

Ngoài ra, tùy theo yêu cầu của khách hàng, sản phẩm được đóng gói theo nhiều dạng khác nhau như 1,6kg/bao, 500gr/bao ...

Bao bì sử dụng giấy carton, in nhãn hiệu phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) về quy định về nhãn hiệu hàng hóa xuất khẩu và yêu cầu của nước nhập khẩu và yêu cầu khách hàng.

Bảng 6: Một số mặt hàng tiêu biểu của Công ty

TT	Tên mặt hàng	Mô tả chi tiết mặt hàng
MẶT HÀNG TÔM ĐÔNG BLOCK KHÔNG SỬ DỤNG HÓA CHẤT		
1	HLSO đông Block	- Nguyên liệu sử dụng : Tôm sú, tôm thẻ, tôm chì - Tôm còn vỏ, bỏ đầu - Cấp đông dạng Block, 2 kg/block x 6 block/carton
2	HOSO đông semi Block	- Nguyên liệu sử dụng : Tôm sú nguyên con - Dạng đông lạnh nguyên con - Cấp đông semi Block
3	R. PTO đông Block	- Nguyên liệu sử dụng tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt, từ đốt thứ 1 đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5 - Cấp đông dạng Block
4	R.PD đông Block	- Nguyên liệu sử dụng tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột hết vỏ - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5 - Cấp đông dạng Block
MẶT HÀNG TÔM TƯƠI ĐÔNG IQF KHÔNG SỬ DỤNG HÓA CHẤT		
5	R.PTO đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt thứ 1 đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc thứ 5 - Xử lý hoá chất STPP (sodium tripoly photphat) - Cấp đông rời dạng IQF



6	R.PD đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột hết vỏ - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5 - Xử lý STPP (sodium tripoly photphat) - Cấp đông rời dạng IQF
7	HLSO đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng : Tôm sú - Tôm còn vỏ, bỏ đầu - Xử lý hoá chất STPP (sodium tripoly photphat) - Cấp đông rời dạng IQF
8	R.EZP đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng : Tôm sú - Tôm còn vỏ, bỏ đầu - Cắt vỏ 5 đốt, từ đốt thứ 1 đến hết đốt thứ 5, cắt dọc sống lưng - Xử lý hoá chất STPP (sodium tripoly photphat) - Cấp đông rời dạng IQF
9	R.PD xiên que đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng : Tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột hết vỏ - Xẻ lưng 3-4 đốt, từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4, 5 hoặc không xẻ lưng - Xử lý hoá chất STPP (sodium tripoly photphat) - Xiên que ứng với số con/que, xiên đơn hoặc xiên kép, hoặc xiên tròn - Cấp đông rời dạng IQF
MẶT HÀNG TÔM HẤP CHÍN ĐÔNG IQF SỬ DỤNG HÓA CHẤT		
10	C.PTO đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt thứ 1 đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc thứ 5 - Xử lý hoá chất STPP (sodium tripoly photphat) - Hấp chín, sử dụng băng chuyền hấp - Cấp đông rời dạng IQF
11	C.PD đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng : Tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột hết vỏ - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5 - Xử lý STPP (sodium tripoly photphat) - Hấp chín, sử dụng băng chuyền hấp - Cấp đông rời dạng IQF
12	C.EZP đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng : Tôm sú - Tôm còn vỏ, bỏ đầu



		- Cắt vỏ 5 đốt, từ đốt thứ 1 đến hết đốt thứ 5, cắt dọc sống lưng - Xử lý hoá chất STPP (sodium tripoly photphat) - Hấp chín, sử dụng băng chuyền hấp - Cấp đông rời dạng IQF
MẶT HÀNG TÔM NOBASHI, TÔM ÁO BỘT (sử dụng hóa chất và không sử dụng hoá chất)		
1	Nobashi không hóa chất	- Nguyên liệu sử dụng :Tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt, từ đốt thứ 1 đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi - Xử lý đuôi: Cắt hình chữ V, bẻ kiềng, cắt 1/3 kiềng - Cắt bụng và duỗi dài theo qui cách hoặc ép nhẹ thẳng thân tôm - Xếp khay, hút chân không - Cấp đông dạng IQF
2	Nobashi có hóa chất	- Nguyên liệu sử dụng :Tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt, từ đốt thứ 1 đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi - Xử lý đuôi: Cắt hình chữ V, bẻ kiềng, cắt 1/3 kiềng - Cắt bụng và duỗi dài theo qui cách hoặc ép nhẹ thẳng thân tôm - Xếp khay, hút chân không -Xử lý hóa chất STPP (sodium tripoly photphat) - Cấp đông dạng IQF
3	Tôm áo bột	- Nguyên liệu sử dụng :Tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt, từ đốt thứ 1 đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi - Xử lý đuôi: Cắt hình chữ V, bẻ kiềng, cắt 1/3 kiềng - Cắt bụng và duỗi dài theo qui cách - Xử lý hóa chất STPP (sodium tripoly photphat) - Áo bột 3 lớp (bột khô, bột ướt, bột xù) - Xếp khay - Cấp đông dạng IQF
MẶT HÀNG MỰC ĐÔNG IQF, XỬ DỤNG HOÁ CHẤT		
1	Mực nang đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Mực nang - Mực nang nguyên con lột da, bỏ răng, bỏ mắt, bỏ nội tạng - Xử lý hoá chất - Cấp đông dạng IQF
2	Mực nang xiên que đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Mực nang - Mực nang nguyên con lột da, bỏ răng, bỏ mắt, bỏ nội tạng - Xử lý hoá chất



		- Xiên que ứng với số con/que - Cấp đông dạng IQF
3	Mực ống đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Mực ống - Mực ống nguyên con lột da, bỏ răng, bỏ mắt, bỏ nội tạng - Xử lý hoá chất - Cấp đông dạng IQF
4	Mực ống cắt khoanh nhúng đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Mực ống - Mực ống nguyên con lột da, bỏ răng, bỏ mắt, bỏ nội tạng - Xử lý hoá chất - Cắt khoanh theo qui cách - Xử dụng lò nhúng - Cấp đông dạng IQF
5	Mực tua đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Mực tua - Mực tua nguyên con lột da, bỏ răng, bỏ mắt, bỏ nội tạng - Xử lý hoá chất - Cấp đông dạng IQF
MẶT HÀNG MỰC ĐÔNG BLOCK, XỬ DỤNG HOÁ CHẤT		
1	Mực nang đông Block	- Nguyên liệu sử dụng: Mực nang - Mực nang nguyên con lột da, bỏ răng, bỏ mắt, bỏ nội tạng - Xử lý hoá chất - Cấp đông dạng Block
2	Mực ống đông Block	- Nguyên liệu sử dụng: Mực ống - Mực ống nguyên con lột da, bỏ răng, bỏ mắt, bỏ nội tạng - Xử lý hoá chất - Cấp đông dạng Block
3	Mực tua đông Block	- Nguyên liệu sử dụng: Mực tua - Mực tua nguyên con lột da, bỏ răng, bỏ mắt, bỏ nội tạng - Xử lý hoá chất - Cấp đông dạng Block

- Sản phẩm chính của Công ty CADOVIMEX là tôm đông IQF, tôm đông Block và sản phẩm đông khay, tôm đông IQF là tôm đông rời từng con bằng thiết bị băng chuyền cấp đông IQF, tôm đông Block là sản phẩm đông dạng khối bằng trang thiết bị tủ đông tiếp xúc.
- Sản phẩm phụ của Công ty CADOVIMEX là Cua đông IWP (đông bao gói riêng từng con), Ghẹ mảnh đông IWP, Ghẹ thịt đông semi block, Ruốc sấy khô.

Tôm sú nguyên con đông khay



Tôm sú nguyên con đông Semi IQF



Tôm chì PD đông Block



Tôm sú HLSO đông Block



Tôm sú PTO cooked đông IQF



Tôm sú HLSO raw đông IQF





Tôm sú Nobashi đông khay



Tôm sú Sushi đông khay



Tôm sú PD xiên que đông IQF



Tôm sú PTO xiên que đông IQF



Tôm sú tằm bột đông khay



Seafoodmix





Mực ống nhúng đông IQF



Mực ống cắt khoanh IQF



Mực nang xiên que đông IQF



Mực ống tủy đông khay

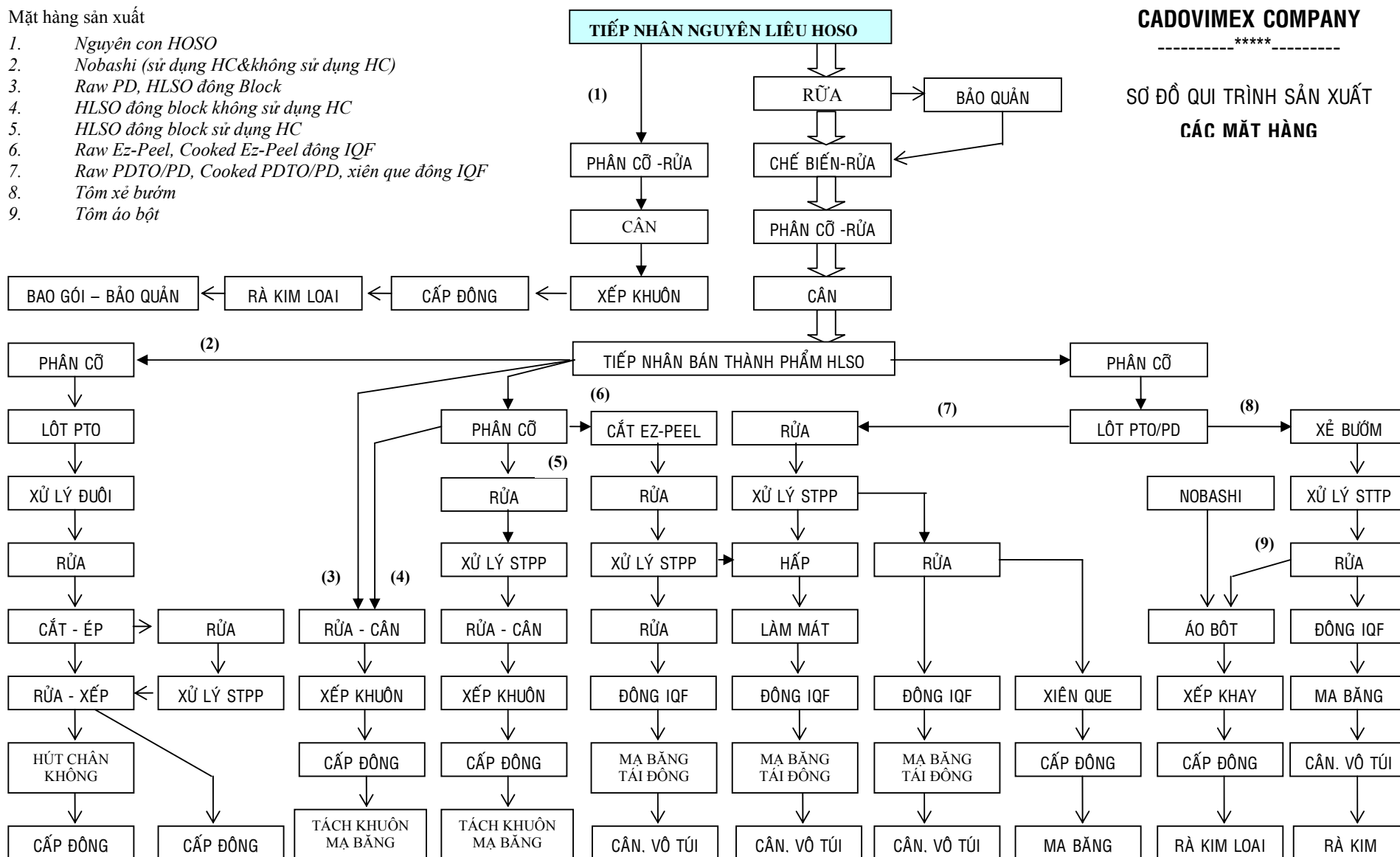


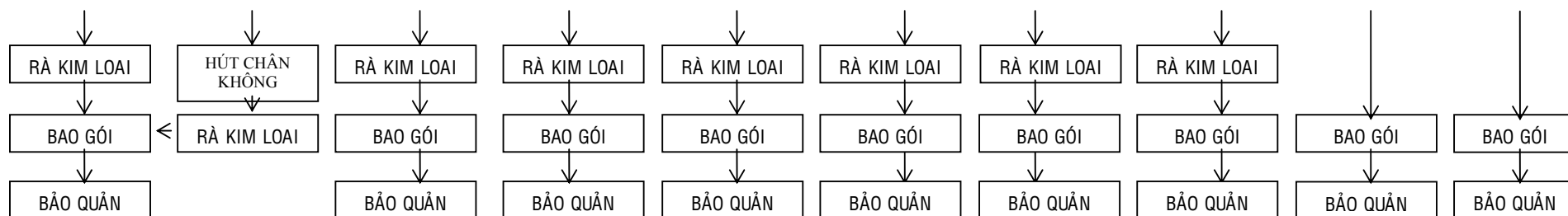
Mặt hàng sản xuất

1. Nguyên con HOSO
2. Nobashi (sử dụng HC&không sử dụng HC)
3. Raw PD, HLSO đông Block
4. HLSO đông block không sử dụng HC
5. HLSO đông block sử dụng HC
6. Raw Ez-Peel, Cooked Ez-Peel đông IQF
7. Raw PDTO/PD, Cooked PDTO/PD, xiên que đông IQF
8. Tôm xé bướm
9. Tôm áo bột

CADOVIMEX COMPANY

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH SẢN XUẤT
CÁC MẶT HÀNG





5.3 Nguyên vật liệu

5.3.1 Nguyên vật liệu chính

Nguyên liệu chính là tôm nguyên liệu, chiếm khoảng 93% trong tổng giá thành sản phẩm tôm. Công ty áp dụng phương thức thu mua tôm nguyên liệu từ các đại lý sau khi được sơ chế tại nhà máy của mình (bỏ đầu, bỏ vỏ...) và đạt đủ các tiêu chuẩn chất lượng về vệ sinh và an toàn thực phẩm, dư lượng kháng sinh... Công ty tổ chức mua tại các cửa hàng lưu động, cửa hàng cố định, hợp đồng trực tiếp với các vựa nuôi, các điểm vùng nuôi trọng điểm. Đa dạng cơ chế thu mua phù hợp từng thời điểm cụ thể và tình hình cạnh tranh nguyên liệu.... Với phương thức mua như vậy, Công ty hạn chế được những rủi ro trong khâu quản lý thu mua, cũng như chất lượng của tôm nguyên liệu, đồng thời luôn sâu sát nắm bắt chặt chẽ sản lượng, chất lượng và giá cả nguyên liệu mọi lúc mọi nơi.

Bảng 7: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty

TT	Nhà cung cấp	Mặt hàng	Tỉnh
1	Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Việt Nhanh	Tôm nguyên liệu	Cà Mau
2	Doanh nghiệp tư nhân Lý Hào Kiệt	Tôm nguyên liệu	Cà Mau
3	Doanh nghiệp tư nhân Tấn Lộc Tài	Tôm nguyên liệu	Cà Mau
4	Doanh nghiệp tư nhân Minh Bạch	Tôm nguyên liệu	Cà Mau
5	Doanh nghiệp tư nhân Quang Bình	Tôm nguyên liệu	Cà Mau
6	Công ty TNHH Đồng Bằng	Tôm nguyên liệu	Cà Mau
7	Doanh nghiệp tư nhân Trần Chí	Tôm nguyên liệu	Cà Mau
8	Công ty cổ phần Hùng Cường	Tôm nguyên liệu	Cà Mau
9	Doanh nghiệp tư nhân Thúy Oanh	Tôm nguyên liệu	Bạc Liêu
10	Doanh nghiệp tư nhân Minh Vũ	Tôm nguyên liệu	Bạc Liêu
11	Doanh nghiệp tư nhân Văn Tài	Tôm nguyên liệu	Bạc Liêu
12	Doanh nghiệp tư nhân Minh Hải	Tôm nguyên liệu	Bạc Liêu
13	Doanh nghiệp tư nhân Thanh Thy	Tôm nguyên liệu	Sóc Trăng
14	Doanh nghiệp tư nhân Liên Húa	Tôm nguyên liệu	Sóc Trăng
15	Doanh nghiệp tư nhân Quốc Minh	Tôm nguyên liệu	Sóc Trăng
16	Doanh nghiệp tư nhân Ong Sái	Tôm nguyên liệu	Sóc Trăng
17	Doanh nghiệp tư nhân Kim Linh	Tôm nguyên liệu	Sóc Trăng
18	Doanh nghiệp tư nhân Xuân Trang	Tôm nguyên liệu	Bến Tre
19	Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Ánh	Tôm nguyên liệu	Bến Tre
20	Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Tuyết	Tôm nguyên liệu	Trà Vinh
21	Doanh nghiệp tư nhân Quận Nhuận	Tôm nguyên liệu	Trà Vinh

22	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Vẹn	Tôm nguyên liệu	Trà Vinh
23	Doanh nghiệp tư nhân Minh Tuấn	Tôm nguyên liệu	Trà Vinh
24	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Bảo	Tôm nguyên liệu	Trà Vinh

Tôm nguyên liệu phải có màu đặt trung của tôm tươi, sáng bóng không có tạp chất, đạt tiêu chuẩn vi sinh vật, tiêu chuẩn hóa học và kháng sinh như sau :

Tiêu chuẩn vi sinh vật

TT	Chỉ tiêu	Mức giới hạn
01	Tổng số vi khuẩn hiếu khí, số khuẩn lạc trong 1g sản phẩm	<1.000.000
02	Coliform, số khuẩn lạc trong 1g sản phẩm	<200
03	Staphylococcus aureus, số khuẩn lạc trong 1g sản phẩm	<100
04	Escherichia Coli, số khuẩn lạc trong 1g sản phẩm	không có
05	Salmonella, số khuẩn lạc trong 25g sản phẩm	không có
06	Shigella, số khuẩn lạc trong 25g sản phẩm	không có
07	Vibrio Cholerae, số khuẩn lạc trong 25g sản phẩm	không có
08	Vibrio Parahaemo, số khuẩn lạc trong 25g sản phẩm	không có

Tiêu chuẩn hóa học và kháng sinh

TT	Chỉ tiêu	Mức giới hạn
01	Dư lượng Sulfít	<10ppm
02	Chloramphenicol	Không phát hiện
03	Nitrofurán (Furazolidone AOZ)	Không phát hiện
04	Nitrofurán (Furaltadone AMOZ)	Không phát hiện
05	Tetracylin	Không phát hiện
06	Oxytetracylin	Không phát hiện
07	Chlotetracylin	Không phát hiện
08	Enrofloxacin	Không phát hiện
09	Ciprofloxacin	Không phát hiện
10	Green Malachite (Xanh Malachite)	Không phát hiện
11	Chloroform	Không phát hiện
12	Chloropromazine	Không phát hiện
13	Flumequine	Không phát hiện
14	Colchicine	Không phát hiện
15	Dapsone	Không phát hiện
16	Dimetridazole	Không phát hiện
17	Metronidazole	Không phát hiện
18	Ronidazole	Không phát hiện
19	Glycopeptides	Không phát hiện

5.3.2 Nguyên vật liệu phụ

Bao gồm hoá chất, muối, dầu DO, bao bì đóng gói,... chiếm khoảng 3% trong chi phí giá thành.

5.3.3 Sự ổn định của nguồn nguyên liệu

Cà Mau là một trong những vùng có trữ lượng tôm lớn nhất thế giới nhờ diện tích mặt nước và diện tích rừng ngập mặn lớn, có thủy triều nên ít bị ô nhiễm. Năm 2005, toàn tỉnh Cà Mau có 247.000ha diện tích nuôi tôm sinh thái (vừa trồng lúa vừa nuôi tôm và nuôi tôm trong khu vực rừng ngập mặn) với 1.000ha nuôi công nghiệp, sản lượng tôm đạt 96.000 tấn. Diện tích nuôi ở Cà Mau chủ yếu là nuôi quảng canh, nuôi thả tự nhiên nên tôm sạch và có kích cỡ lớn, đồng thời Công ty còn thu mua tôm nuôi công nghiệp từ các tỉnh lân cận như: Bạc Liêu, Sóc Trăng, Bến Tre, Trà Vinh nên Công ty có nguồn nguyên liệu dồi dào và ổn định.

Với diện tích vùng ngập mặn lớn, kết hợp với thủy triều lên xuống giúp cải tạo môi trường, cung cấp thêm nguồn thức ăn thiên nhiên cho con tôm,... nên tôm sạch, kích thước lớn, có cỡ đếm 1-2, 2-4, 4-6 con/pound chiếm tỷ trọng khoảng 10% trong tôm nguyên liệu. Đây là đặc điểm nổi bật của tôm nguyên liệu chỉ có riêng ở Cà Mau mà các vùng khác không có. Các thị trường Mỹ, Nhật, Châu Âu rất thích các cỡ lớn tôm nguyên con và tôm thành phẩm, Công ty CADOVIMEX đóng tại trọng điểm của vùng nguyên liệu này là một lợi thế rất lớn của Công ty. Các vùng nuôi tôm sú khác ở Việt Nam (chủ yếu nuôi công nghiệp) có cỡ đếm nhỏ nằm chủ yếu từ 20-30 con/pound,

Xí nghiệp Nam Long xây dựng tại khu vực Đầm Cùng, nơi giáp ranh của 3 huyện Năm Căn, Cái Nước, Đầm Dơi là đầu mối của tuyến giao thông thủy bộ, rất thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa. Đây là mô tôm không chỉ ở Cà Mau mà còn là vùng có tôm nguyên liệu vào loại tốt nhất của cả nước.

Xí nghiệp chế biến 72 và Xí nghiệp Phú Tân được xây dựng ở nơi trung tâm vùng nguyên liệu, nuôi trồng của hai huyện Phú Tân và Cái Nước, mặt khác nơi đây có 02 cửa biển lớn là cửa biển Cái Đoi Vàm và cửa biển Ông Đốc nằm ở phía Tây Nam giáp ranh với vịnh Thái Lan có trữ lượng khai thác lớn, có khả năng đánh bắt quanh năm, mặt hàng sản xuất của Xí nghiệp rất đa dạng như: Tôm sú, thẻ, chì, sắt, mực ống, mực tua, mực nút... Đây là đặc điểm nổi bật của Xí nghiệp 72 và Xí nghiệp Phú Tân mà các Xí nghiệp khác không có được lợi thế này.

Nguồn cung cấp nguyên liệu chính của Công ty là mạng lưới đại lý, nhà cung cấp tư nhân và cửa hàng thu mua nguyên liệu của Công ty. Các đại lý và cửa hàng thu gom nguyên liệu trực tiếp từ những đầm nuôi thâm canh, bán thâm canh, những tàu đánh bắt của ngư dân. Đồng thời, lực lượng thu mua của Công ty nắm bắt những vùng nuôi trọng điểm, mùa vụ khai thác của từng khu vực, tập trung thu mua, huy động tất cả các nguồn nguyên liệu trong và ngoài tỉnh.

Trong thời gian tới Công ty có chiến lược đầu tư vốn cho người dân nuôi tôm trong khu vực, đối với các đại lý ngoài tỉnh Công ty sẽ cho tạm ứng tiền trước khi nhập nguyên liệu về nhà máy tạo sự an tâm về đầu ra và kích thích việc cung cấp nguyên liệu nhiều, chất lượng tốt, ổn định cho Công ty.

Chất lượng nguyên liệu: Công ty thực hiện sản xuất tôm sạch, truy suất nguồn gốc nguyên liệu đầu vào, xây dựng chiến lược sản phẩm sạch với nhãn hiệu “CADOVIMEX” có đặc trưng riêng so với sản phẩm cùng loại của các công ty khác.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Tôm nguyên liệu chiếm 93% tổng giá thành sản phẩm, nên ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Trong thời kỳ năm 2004 - 2005 giá nguyên liệu tăng vào mùa trái vụ từ tháng 11 đến tháng 05 năm sau và giảm dần vào thời kỳ chính vụ từ tháng 6 đến tháng 10 trong năm. Năm 2006 giá tôm nguyên liệu biến động thất thường không theo qui luật chung, làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty,

Điều kiện Công ty ở xa nơi cung cấp vật tư, bao bì nên chi phí vận chuyển, bốc dỡ có tăng hơn so với các Công ty ở trung tâm thành phố. Tuy nhiên sự gia tăng này không lớn và chiếm tỷ trọng nhỏ so với tỷ trọng của nguồn nguyên liệu chính mà Công ty có lợi thế.

5.4 Chi phí sản xuất: Tổng các yếu tố chi phí của Công ty qua các năm

Bảng 8: Cơ cấu giá vốn hàng bán của Công ty

ĐVT: 1.000 đồng

Yếu tố	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	6T/2008
1. Giá vốn bán hàng thủy sản	670.838.717	884.589.630	770.143.083	306.557.852
2. Giá vốn nhượng bao bì	14.871	0	69.745	4.760
3. Giá vốn điện tự phát	1.201.152	1.170.409	1.149.675	521.626
4. Giá vốn bán xăng dầu (*)	2.142.666	2.270.112	2.375.199	780.042
Tổng	674.197.406	888.030.151	773.737.702	307.864.280

(*) ***giá vốn bán xăng dầu***: Công ty mua xăng dầu về chủ yếu phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh, chỉ một số ít bán ra bên ngoài (chiếm tỷ lệ nhỏ # 13,38%) nhằm mục đích bù đắp một phần chi phí sản xuất (Công ty hạch toán giá vốn xăng dầu bán ra theo giá nhập vào).

Bảng 9: Cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty

ĐVT: 1.000 đồng

Yếu tố	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007		6T/2008	
	Giá trị	% doanh thu	Giá trị	% doanh thu	Giá trị	% doanh thu	Giá trị	% doanh thu
Giá vốn hàng bán	674.197.406	87,04	888.030.151	89,14	773.737.702	93,12	307.864.280	93,13
Chi phí quản lý DN	7.535.793	0,97	7.621.463	0,76	11.987.430	1,44	7.012.509	2,12
Chi phí bán hàng	64.268.160	8,29	59.121.542	5,93	45.174.439	5,44	15.681.985	4,75

Chi phí nguyên liệu chiếm # 93% giá vốn hàng bán trong năm 2007 và 6 tháng đầu năm 2008, và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất của Công ty.

Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty qua các năm do Công ty đã xây dựng được hệ thống khách hàng và đại lý lớn giúp ổn định nguồn khách hàng và chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý chiếm tỷ trọng nhỏ nhất trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty qua các năm do Công ty thực hiện việc khoán định mức trong các công đoạn sản xuất như: định mức chế biến, định mức sử dụng điện, định mức sử dụng nước đá, định mức sử dụng công cụ vật tư, bao bì, ... theo nguyên tắc “thừa thì thưởng, thiếu thì thường”, nên hạn chế thấp nhất các chi phí trong quản lý.

5.5 Trình độ công nghệ

Công ty đã xây dựng dây chuyền sản xuất từ khâu lắp đặt đến vận hành với các thông số tối ưu. Công ty chú trọng công tác đầu tư trang bị máy móc thiết bị hiện đại như: máy rửa, máy phân cỡ, máy lựa tạp chất, các thiết bị kiểm tra chất lượng vi sinh, kháng sinh để kịp thời phát hiện sai lỗi.

Quản lý sản xuất kinh doanh tại các phòng ban đều có trang bị máy tính có nối mạng nội bộ để kịp thời nắm bắt thông tin giữa các bộ phận và xử lý công việc nhanh chóng, khoa học.

Bảng 10: Danh sách máy móc chính hiện đang được sử dụng

TT	Tên	SL	Model	Công suất thiết kế	Công suất sử dụng	Nước SX
1	Máy phát điện cummins	1	KT 38-G3	930kva	800A	USA
2	Máy phát điện cummins	1	KT 38-G5	1,040kva		USA
3	Máy phát điện cummins	1	DAC-400K	340kva	350A	USA
4	Máy phát điện cummins	1	DAC-400K	340kva	350A	USA
5	Máy phát điện caterpillar	1	D398	500kva	500A	USA
6	Máy phát điện caterpillar	1	D398	400kva	380A	USA
7	Máy phát điện komatsuta	1	125PK	100kva	100A	Nhật
8	Máy biến thế	1		1,250kva	1,875A	VN
9	Máy biến thế	1		560kva	800A	VN
10	Máy nén tủ đông	1	62 VZ	1,000kg		Nhật
11	Máy nén tủ đông	1	42A	500kg		Nhật
12	Máy nén tủ đông	1	21A	500kg		Nhật



13	Máy nén tủ đông	1	21A	500kg		Nhật
14	Máy nén tủ đông	1	21A	500kg		Nhật
15	Máy nén tủ kho	1	Sanyo	500kg		Nhật
16	Băng chuyền IQF thẳng tươi	1	62WB	400kg		Nhật
17	Băng chuyền IQF thẳng tươi	1		400kg		VN
18	Băng chuyền xoắn tươi	2	N200VMD	500kg		Nhật
19	Băng chuyền IQF hấp	2	Năm dũng			VN
20	Máy đá vẩy	1	Sanyo	10tấn/ngày		Nhật
21	Máy đá vẩy	1	6A	10tấn/ngày		Nhật
22	Máy đá vẩy	1	6A	10tấn/ngày		Nhật
23	Máy đá vẩy	1	6A	10tấn/ngày		Nhật
24	Máy đá vẩy	1	6A	10tấn/ngày		Nhật
25	Nồi hơi	1	Thái dương	500kg/h		VN
26	Nồi hơi	1	Thái dương	500kg/h		VN
27	Máy điều hoà không khí	1	CK800H3W			Nhật
28	Máy điều hoà không khí	3	Hitachi			Nhật
29	Máy điều hoà không khí	1	Mitsubishi			Nhật
30	Máy dò kim loại	1				Nhật
31	Máy dò kim loại	3				Đức
32	Tủ đông block	1	HX	1,000kg		VN
33	Tủ đông block	1	62A	500kg		Nhật
34	Tủ đông gió	1		200kg		VN

5.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Công ty luôn chú ý đến sự phát triển mặt hàng mới. Thực hiện điều này, Công ty đã thành lập phòng nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, chuyên nghiên cứu nhu cầu của khách hàng, thị hiếu người tiêu dùng, ngoài ra còn nghiên cứu những tồn tại trong sản xuất, chất lượng hàng hóa nhằm phát triển cải tiến các khâu trong sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm cho phù hợp với thị trường ngày càng cạnh tranh.

5.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

*** Hệ thống quản lý chất lượng**

Hiện tại Công ty quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn sau :

- Tiêu chuẩn an toàn vệ sinh trong chế biến thủy sản của bộ thủy sản Việt Nam: Công ty có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh trong chế biến thủy sản do cục quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thú y thủy sản (Nafiqaved) chứng nhận doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo các tiêu chuẩn hiện hành của ngành thủy sản Việt Nam (tương đương với chỉ thị 91/493/EEC, 94/356/EEC của hội đồng Châu Âu và qui định về HACCP của cục quản lý thực phẩm và dược phẩm tại Hoa kỳ tại 21CFR 123) trong sản xuất tôm tươi đông lạnh.

- HACCP (Hazard Analysis and Critical Control Point- Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn). Hệ thống quản lý chất lượng mang tính phòng ngừa nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm thông qua việc phân tích mối nguy và thực hiện các biện pháp kiểm soát tại các điểm tới hạn. Các sản phẩm của Công ty tuân thủ theo đúng qui trình GMP (Good Manufacturing Practices). Qui phạm sản xuất qui định các biện pháp, thao tác thực hành cần tuân thủ đảm bảo sản xuất ra những sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng và SSOP (Sanitation Standard Operating Procedure). Quy phạm vệ sinh quy định quy trình và các thủ tục kiểm soát vệ sinh tại nhà máy.

- ISO 9001:2000 Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 phiên bản 2000, qui định các yêu cầu đối với một hệ thống quản lý chất lượng khi một tổ chức cần chứng tỏ năng lực của mình trong việc cung cấp sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng và các yêu cầu chế định tương ứng nhằm nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng. Hệ thống chất lượng ISO 9001 :2000 của Công ty được chứng nhận bởi SGS (Anh quốc)

- BRC : 4 (Foundation) Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu của tập đoàn bán lẻ Anh quốc. Tiêu chuẩn BRC : 4 có phạm vi chứng nhận cho quá trình chế biến sản phẩm tôm tươi và tôm hấp chín đông lạnh. Đạt tiêu chuẩn này thì sản phẩm mới có thể tiêu thụ được tại các siêu thị lớn của Mỹ, mà thị trường Mỹ hiện nay là thị trường chính của CADOVIMEX.

- Công ty có 3 Phân xưởng, Xí nghiệp và cả 3 đều đạt tiêu chuẩn khắt khe của thị trường Châu Âu. Công ty có 3 Code Châu Âu, đây là một lợi thế mà không phải Công ty nào cũng có được. Với hệ thống và phương pháp quản lý như trên và đạt tiêu chuẩn quốc tế như vậy nên Công ty CADOVIMEX có thể đi vào tất cả các thị trường kể cả thị trường khó tính nhất.

*** *Bộ phận quản lý chất lượng***

Hoạt động quản lý chất lượng của Công ty do Bộ phận Quản lý chất lượng phụ trách dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Tổng Giám đốc Công ty. Đây là một trong những hoạt động được Công ty đặc biệt coi trọng do ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận và uy tín của Công ty.

Bảng 11: Cơ cấu lao động của bộ phận quản lý chất lượng

Trình độ	Số lượng cán bộ (người)	Chiếm tỷ lệ %
Trình độ đại học	40	50%
Trình độ cao đẳng	10	12,5%
Trình độ trung cấp	30	37,5%

Công ty trang bị phòng kiểm tra dư lượng kháng sinh và hoá chất tại chỗ nhằm cung cấp, ra thị trường sản phẩm tôm sạch từ khâu tiếp nhận nguyên liệu đến khâu chế biến.

- *Chỉ tiêu kháng sinh:* Cloramphenicol, Nitrofurural (AOZ, AMOZ) là các loại kháng sinh có khả năng gây hại đến sức khỏe người tiêu dùng theo khuyến cáo của các thị trường nhập khẩu thủy sản, các loại kháng sinh này đã cấm sử dụng trong nuôi trồng và chế biến thủy sản. Mức giới hạn cho phép của các thị trường EU, Mỹ, Canada là 0.3ppb. Phương pháp kiểm tra Elisa (Enzyme Linked Immunosorbent Assay) mức giới hạn phát hiện tại phòng kiểm nghiệm của Công ty đối với Cloramphenicol là 0,2ppb, Nitrofurural là 0.2ppb. Toàn bộ nguồn nguyên liệu, thành phẩm đều được kiểm tra chỉ tiêu kháng sinh.

- *Chỉ tiêu vi sinh:* TPC, Coliforms, Ecoli, St, Aureus, Salmonella, Shygella, Vibrio Colerae, Vibrio Pqrahaemo, Listeria, Enterocoeel.... Đây là những loại vi sinh vật gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng như bệnh đường ruột, tiêu chảy, kiết lị, thương hàn, tả.... Toàn bộ nguồn nguyên liệu bán thành phẩm, thành phẩm, nước đá, nước sản xuất, các bề mặt tiếp xúc sản phẩm, môi trường khu vực sản xuất đều được kiểm tra chỉ tiêu vi sinh vật.

5.8 Hoạt động Marketing

- Không ngừng nâng cao vị thế của Công ty trong ngành, xây dựng quảng bá thương hiệu của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Mở rộng hệ thống phân phối, giữ vững và từng bước nâng cao doanh số, nâng cao thị phần xuất khẩu và thị phần trong nước.

- Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến thương mại Cà Mau, Phòng Thương mại Việt Nam để tham gia các chương trình thương mại ở nước ngoài.

- Đẩy mạnh hợp tác với các khách hàng hiện tại, tại các thị trường Mỹ, Nhật, Nga, EU...

- Tìm kiếm đối tác phân phối độc quyền sản phẩm của CADOVIMEX vào thị trường Mỹ là thị trường có tiềm năng rất lớn để xuất khẩu sản lượng lớn sản phẩm chủ lực của Công ty.

Ngoài ra, Công ty đã đưa các sản phẩm chế biến sẵn vào các siêu thị trong nước để quảng bá thương hiệu của Công ty tại thị trường trong nước.

Công ty đã lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh chuyên trách Marketing của Công ty, giữ mối quan hệ, tiếp xúc thường xuyên với các khách hàng, các văn phòng đại diện của khách hàng tại Việt Nam.

Hoạt động marketing luôn được quan tâm đúng mức, đầu tư đầy đủ về tài chính và nhân lực. Do vậy CADOVIMEX luôn tự hào là Công ty có đầu ra mạnh cho cả sản xuất và kinh doanh

5.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã có Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa CADOVIMEX số 44615 do Cục Sở Hữu Công Nghiệp cấp theo ngày 22/02/2001 cho các mặt hàng.



Ý nghĩa:

- Quả địa cầu tượng trưng cho sự mong muốn của Công ty là sản phẩm được đi đến tất cả các nước trên toàn thế giới.

- Con tôm tượng trưng cho sản phẩm chủ yếu là thủy sản mà đặc biệt là mặt hàng tôm.

- Chiếc thuyền tượng trưng cho vùng khai thác nguồn nguyên liệu các mặt hàng ngoài biển xa bờ, nguồn nguyên liệu dồi dào và sạch, đồng thời biểu hiện của sản phẩm xuất khẩu.

- CADOVIMEX là thương hiệu Công ty, SEAFOOD là thực phẩm thủy sản. ISO 9001 – 2000: mặt hàng Công ty luôn đặt yêu cầu đạt chất lượng lên hàng đầu.

5.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 12: Các hợp đồng đang thực hiện

TT	Đối tác	Sản phẩm	Giá trị /hợp đồng (USD)	Loại hợp đồng
1	Mazzetta	Tôm sú EzPeel	192.600	Bán sản phẩm
2	Sino	Tôm sú PDTO	1.075.950	Bán sản phẩm
3	Simplot	Bạch tuộc	52.250	Bán sản phẩm
4	Sea Harvest	Bạch tuộc	21.675	Bán sản phẩm
5	Mag Frozen	Mực nút	120.120	Bán sản phẩm
6	Anduronda	Bạch tuộc	44.000	Bán sản phẩm
7	Bowpan	Tôm sú PDTO	218.200	Bán sản phẩm
8	Choice canning	Tôm sú PDTO	219.750	Bán sản phẩm



9	Fishco	Cá tra	46.554	Bán sản phẩm
10	Rassau	Tôm sú PD	143.166	Bán sản phẩm

* Giá trị trên là trị giá trên từng hợp đồng, sau khi hoàn tất hợp đồng, Công ty tiếp tục xác nhận hợp đồng mới theo giá trị tại thời điểm đó.

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất

Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2006, 2007 và 6T/2008

ĐVT: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	% tăng giảm so với 2006	6T/2008
Tổng giá trị tài sản	430.117.297	810.470.039	88,43%	877.896.443
Doanh thu thuần	996.270.827	886.028.627	-11,06%	349.232.191
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.409.074	21.312.579	15,77%	1.593.560
Lợi nhuận khác	193.789	(814.132)		105.667
Lợi nhuận trước thuế	18.602.863	20.498.447	10,19%	1.699.227
Lợi nhuận sau thuế	18.602.863	20.498.447	10,19%	1.586.067
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	45,69%	57,37%	25,56%	

Năm 2006 lợi nhuận sau thuế là 18,60 tỷ đồng, sang năm 2007 là 20,49 → tăng # 10%, mặc dù Doanh thu năm 2007 giảm 110,24 tỷ đồng (từ 996,27 tỷ đồng giảm xuống còn 886,03 tỷ đồng).

Tính đến hết Quý 2/2008, do tình hình Kinh tế Thế giới và trong nước khó khăn (lạm phát tăng cao, tỷ giá ngoại tệ biến động liên tục, giá của nguyên vật liệu đầu vào tăng,...) và do đặc thù của ngành thủy sản nên Doanh số Công ty chỉ đạt 349,232 tỷ đồng (chiếm 39,42% so với năm 2007) và Lợi nhuận là 1.586 triệu đồng (chỉ đạt 7,74% so với năm 2007).

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo.

Công ty bỏ ra nhiều thời gian, công sức, chi phí cho vấn đề xem xét lại của vụ kiện chống bán phá giá ở thị trường Mỹ. Đây là một vụ kiện phức tạp kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Giai đoạn 2 từ ngày 01/02/2006 đến 31/01/2007 đã được Bộ Thương Mại Mỹ thông báo thuế suất 0,01%.

- Giai đoạn 3 từ ngày 01/02/2007 đến 31/01/2008 Công ty đã lập thủ tục gồm: Đơn xin áp dụng thuế suất riêng lẻ, chức danh, chữ ký người có trách nhiệm của Công ty

trong vụ kiện, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gửi đến luật sư. Các hồ sơ đã được luật sư xem xét, chấp nhận để trình Bộ Thương Mại Mỹ và đã thông báo về Công ty.

Hiện tại vụ kiện chống bán phá giá này không còn ảnh hưởng đến Công ty.

Chất lượng nguyên liệu đầu vào chưa được đảm bảo do tình trạng bơm chích, dư lượng kháng sinh,... Công ty thực hiện biện pháp tăng cường kiểm tra giám sát, thử mẫu, điều này ảnh hưởng đến chi phí cho Công ty.

*** Các khó khăn và thách thức trong giai đoạn hiện nay của ngành thủy sản:**

Việc phát triển vùng nuôi trồng thủy sản quá nhanh đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến cân đối cung cầu nguyên liệu. Trong khi các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản đang đầu tư phát triển công suất chế biến thì diện tích nuôi trồng (cá, tôm, nghêu,...) mở rộng nhanh hơn do lợi nhuận cao hơn. Phần lớn chi phí đầu tư mở rộng diện tích nuôi trồng là từ các khoản nợ vay ngân hàng.

Từ đầu năm 2008 đến nay, chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ nhằm giảm lạm phát đã làm cho các hộ nông dân lẫn các doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiếp cận vốn vay ngân hàng. Hiện nay, hàng ngàn hộ nông dân nuôi trồng thủy sản có thể phải “bán tháo bán đồ” để giảm lỗ và nếu tình hình kéo dài, có thể họ sẽ giải thể không nuôi trồng nữa. Lúc đó nguy cơ thiếu hụt nguồn cung nguyên liệu cho ngành sẽ là một thách thức lớn.

Bên cạnh đó, do thiếu hụt nguồn vốn lưu động, nhiều doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu không thể thu mua nguồn nguyên liệu và duy trì hoạt động hết công suất để đáp ứng các đơn hàng của khách hàng. Công ty nào muốn duy trì thị phần thì phải đi vay ngân hàng với lãi suất # 1,5%/tháng. Nếu các khó khăn tín dụng kéo dài, nhiều doanh nghiệp nhỏ có thể bị phá sản và ngành thủy sản của Việt Nam có thể sẽ mất lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ lớn như Trung Quốc và Thái Lan, ... do phải tăng giá bán và không thể đáp ứng các hợp đồng lớn.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của công ty trong ngành:

Công ty là một trong 10 doanh nghiệp có doanh số xuất khẩu lớn nhất Việt Nam. Trong tỉnh Cà Mau, Công ty Cadovimex là một trong 03 doanh nghiệp đứng đầu tỉnh về sản lượng chế biến và kim ngạch xuất khẩu. Trong năm 2007 kim ngạch xuất khẩu của Công ty đạt 54.434.504.44 USD, lợi thế cạnh tranh của Công ty là ổn định được nguồn nguyên liệu đầu vào, trang thiết bị máy móc hiện đại và đã tạo được mối quan hệ đối tác với nhiều khách hàng lớn tại thị trường nhập khẩu.

Công ty là thành viên sáng lập của Hiệp hội Chế biến XNK Thủy sản Việt Nam (VASEP) ngày 12/06/1998, là thành viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ngày 11/07/1998. Công ty có 03 Xí nghiệp được xây dựng tại những nơi có nguyên liệu ổn định, dồi dào.

Xí nghiệp 72 và Xí nghiệp Phú Tân nằm gần 02 cửa biển như: Cửa biển Cái Đôi Vàm, cửa biển Ông Đốc có ngư trường khai thác rộng lớn, có khả năng đánh bắt quanh năm và hầu như không có bão. Nơi đây còn là địa bàn nuôi tôm trọng điểm của huyện Cái Nước, huyện Phú Tân, nguồn nguyên liệu của Xí nghiệp 72 và Xí nghiệp Phú Tân rất ổn định sản xuất được cả tôm nuôi, tôm biển, mực, bạch tuột, cá,...

Xí nghiệp Nam Long nằm trên tuyến quốc lộ 1 cách thành phố Cà Mau 40 km, là nơi giáp ranh của 3 huyện: Cái Nước, Đầm Dơi, Năm Căn nơi đây là đầu mối của giao thông thủy bộ, rất thuận tiện cho công tác vận chuyển hàng hóa, là mỏ tôm của tỉnh Cà Mau nói riêng và của cả nước nói chung. Do nuôi quảng canh, tôm thả tự nhiên, mật độ thưa nên con tôm ở khu vực này có kích cỡ lớn tập trung chủ yếu từ size 4-6, 6-8, 8-12, 13-15 con/pound, màu sắc tôm sáng bóng, vỏ cứng thịt săn chắc, cơ thịt dai, vị ngọt rất tốt cho qui trình sản xuất tôm sú nguyên con, các khách hàng Mỹ, Châu Âu, Nhật... rất ưa chuộng. Ngoài ra Công ty còn huy động tôm nguyên liệu ngoài tỉnh từ các địa bàn lân cận như Bạc Liêu, Sóc Trăng vào những tháng mùa vụ.

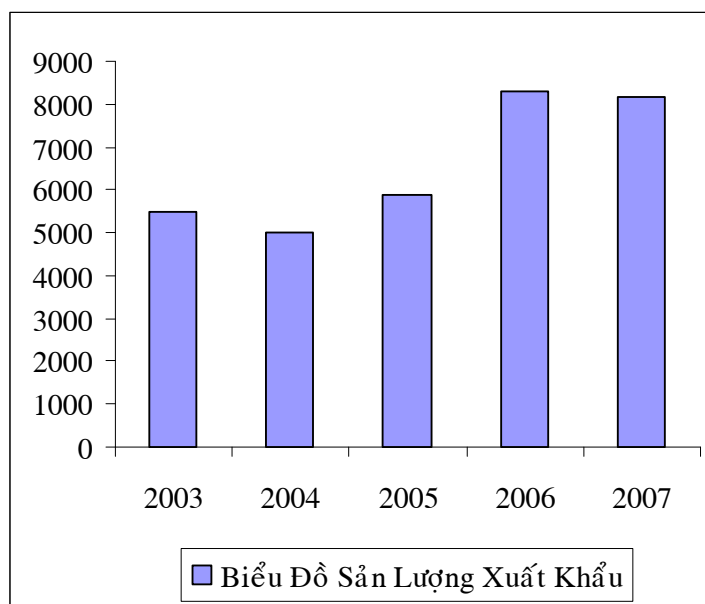
Vị thế 3 xí nghiệp của Công ty được xây dựng ngay vùng trọng điểm nguyên liệu của tỉnh Cà Mau cả về tôm vuông tôm biển và các loại thủy sản khác mà chưa có một xí nghiệp nào có được, đây là một thuận lợi cơ bản rõ nét nhất là một lợi thế so sánh nổi bật của Công ty so với các Công ty khác cùng ngành.



Bảng 14: Sản lượng xuất khẩu từ năm 2003 – 2007 và 6T/2008

ĐVT: tấn

Nội dung	2003	2004	2005	2006	2007	6T/2008
Sản lượng xuất khẩu	5.494	5.020	5.862	8.284	8.160	2.699



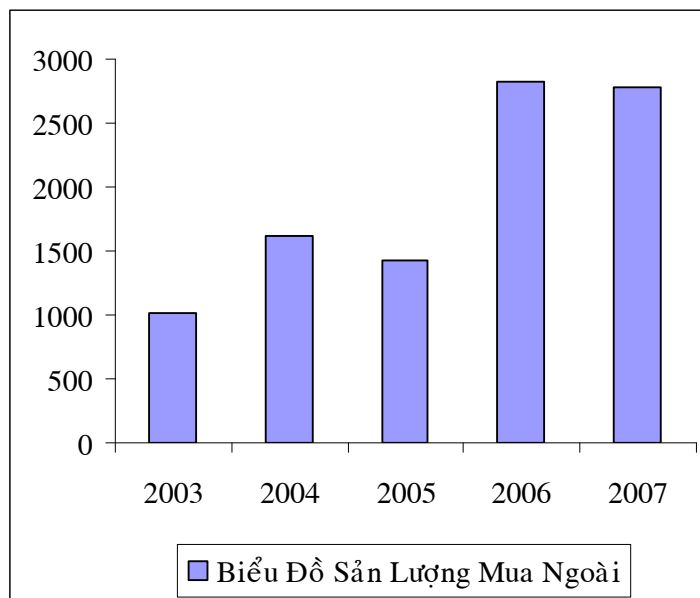
Hiện Công ty đang có lượng khách hàng và thị trường lớn, công suất của 3 nhà máy của Công ty hiện nay không đủ để cung cấp cho thị trường. Vì vậy bằng uy tín thương hiệu của CADOVIMEX và chất lượng của mình, CADOVIMEX đã mở rộng sản xuất gia công, mua lại sản phẩm tại các nhà máy trên cả nước, có đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, với hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ từ con người của CADOVIMEX. Nên doanh số, sản lượng và hiệu quả của hướng kinh doanh này các năm qua chiếm 30% doanh số sản lượng và hiệu quả từng năm.

Đây thực sự là sức mạnh của CADOVIMEX mà trên thương trường trong ngành thủy sản Việt Nam ai cũng phải công nhận.

Bảng 15 : Sản lượng mua ngoài năm 2003 – 2007 và 6T/2008

ĐVT: tấn

Năm	2003	2004	2005	2006	2007	6T/2008
Sản lượng mua ngoài	1.010	1.614	1.428	2.819	2.774	462



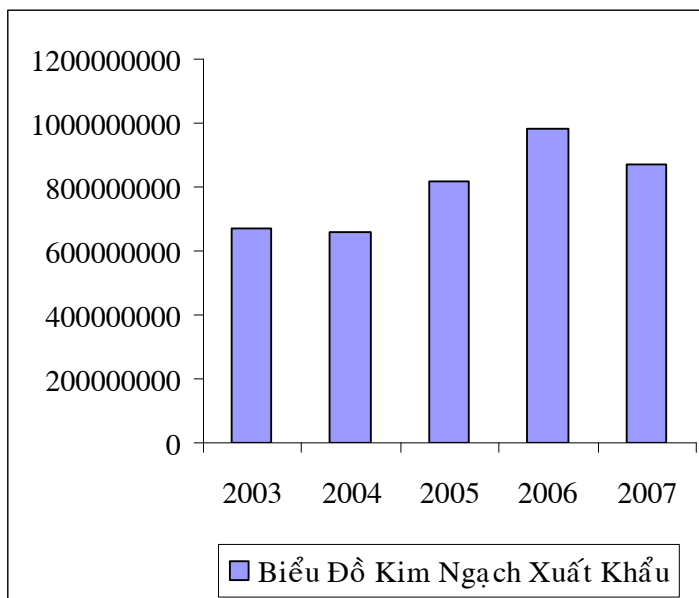
Ngoài ra để phát huy lợi thế sức mạnh thị trường và khai thác đúng hướng trên tiềm năng lớn của vùng nguyên liệu to lớn có một không hai, chất lượng thủy sản lại ngon, bổ, rẻ của cá tra, cá basa Việt Nam. Công ty đã mạnh dạn xây dựng nhà máy chế biến cá: 1 tại Đồng Tháp, 1 tại An Giang với công suất lớn và thiết bị hiện đại để cung cấp cho khách hàng và thị trường của mình mà những năm qua CADOVIMEX chỉ đi mua gia công tại các nhà máy ở đồng bằng sông Cửu Long mang tính không ổn định và không đủ cung cấp cho khách hàng hiện có của mình.

Công ty có 03 Xí nghiệp có Code châu Âu là: Xí nghiệp 72 (DL72), Xí nghiệp Phú Tân (DL180), Xí nghiệp Nam Long (DL 85) đạt tiêu chuẩn xuất hàng vào thị trường Châu Âu, Canada, Hàn Quốc, Đây là một lợi thế của Công ty so với các Công ty khác cùng ngành trong công tác xuất khẩu. Công ty được các tập đoàn lớn quan tâm như: Tập đoàn Costco, Redchamber, Lotte,... đã ký được nhiều hợp đồng có giá trị xuất khẩu lớn, khách hàng rất tin tưởng và an tâm về mặt chất lượng khi mua hàng của Công ty.

Bảng 16: Kim ngạch xuất khẩu từ năm 2003 – 2007 và 6T/2008

ĐVT: 1.000đ

Nội dung	2003	2004	2005	2006	2007	6T/2008
Kim ngạch xuất khẩu	672.864.234	656.099.745	819.249.326	981.278.134	870.679.899	347.880.330



Những điểm mạnh cơ bản của Công ty như sau :

- Có thị trường tiêu thụ lớn, cân bằng và ổn định như: Thị trường Bắc Mỹ, Châu Âu, Úc, Nhật, Hàn Quốc và các nước Châu Á khác.

- Khách hàng của Công ty là những nhà nhập khẩu, phân phối lớn, năng lực tiêu thụ mạnh và có tính ổn định lâu dài.

- Công ty có 03 nhà máy hoạt động trên địa bàn có vùng nguyên liệu dồi dào vào loại bậc nhất của cả nước, vùng nuôi tôm sinh thái tự nhiên, kích cỡ tôm nguyên liệu lớn, chất lượng tôm có thành phần dinh dưỡng cao.

- Công ty có khả năng chế biến các sản phẩm tôm tinh chế cao đáp ứng được hầu hết các yêu cầu ở các thị trường lớn như Bắc Mỹ, Châu Âu, Nhật...

- Công ty có bộ phận kinh doanh mua ngoài, quan hệ nhiều nhà máy, mua đa dạng mặt hàng, đáp ứng được yêu cầu cần thiết của khách hàng.

- Đã xây dựng và thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng quốc tế đảm bảo sản phẩm được tiêu thụ trong các hệ thống phân phối lớn.

- Cơ sở vật chất đồng bộ, trang thiết bị hiện đại, đứng vào “Top 10” doanh nghiệp lớn của ngành chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu.

- Tài chính lành mạnh, trong 20 năm qua hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao.

- Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm của Công ty được đầu tư tốt.

- Bộ máy tổ chức ổn định, ban lãnh đạo có năng lực, kinh nghiệm đồng thời đã chú trọng quy hoạch, đào tạo đội ngũ kế thừa đảm bảo hoạt động ổn định liên tục.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành:

Ngành Thủy sản có tốc độ tăng trưởng rất nhanh so với các ngành kinh tế khác, bình quân 18,4%/năm. Xu hướng thị trường thế giới về nhu cầu thủy sản ngày càng tăng. Thủy sản vẫn là 01 trong 04 ngành truyền thống có kim ngạch XK cuối năm trên 1 tỷ

USD. Giá trị làm ra của Ngành Thủy sản ngày càng có tỷ trọng cao hơn trong khối nông nghiệp và trong nền kinh tế quốc dân

Xu hướng phát triển kinh tế cao và hiện đại, nhu cầu về tiêu dùng thực phẩm thức ăn nhanh và chế biến sẵn, đông lạnh ngày một tăng và trở thành sản phẩm thiết yếu nhất là những nước có nền kinh tế phát triển như Mỹ, Nhật, Nga, các nước thuộc khối EU,... Giá trị sản lượng tiêu thụ thực phẩm từ nhập khẩu từ những nước đang phát triển với nguồn nguyên liệu dồi dào, chi phí sản xuất và nhân công thấp, giá thành phù hợp đặc biệt là thực phẩm có nguồn gốc từ thủy sản ngày càng được ưa chuộng do nhiều nguyên nhân như:

- Nguồn thủy sản tự nhiên ngày một giảm do nạn đánh bắt tràn lan, một số loài có nguy cơ tuyệt chủng.

- Dịch cúm gia cầm và dịch lở mồm, long móng trên gia súc trong thời gian gần đây khiến người tiêu dùng có xu hướng chuyển sang dùng thủy sản ngày càng nhiều.

- Thực phẩm thủy sản có hàm lượng dinh dưỡng cao, ít chất béo có lợi cho sức khỏe được người tiêu dùng ưa chuộng.

Qua 25 năm hoạt động trong cơ chế thị trường, ngành thủy sản đã từng bước trưởng thành. Dấu mốc quan trọng là năm 1986 khi chính sách đổi mới của Đảng được thực hiện trong cả nước, thị trường xuất khẩu được mở rộng và tăng trưởng với tốc độ rất nhanh. Có thể nói, thị trường xuất khẩu thủy sản đã mở đường, hướng dẫn cho quá trình chuyển đổi cơ cấu nghề trong khai thác hải sản trên biển. Cơ cấu sản phẩm khai thác phục vụ xuất khẩu đã liên tục tăng từ khoảng 5% trong những năm trước đây lên 35% trong thời gian gần đây. Thị trường xuất khẩu thủy sản là động lực kích thích sự phát triển nuôi trồng thủy sản. Nghề nuôi trồng thủy sản đã trở thành hướng đi chính của việc chuyển đổi các vùng diện tích sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả thành những vùng sản xuất nguyên liệu lớn phục vụ cho ngành chế biến thủy sản xuất khẩu.

Khai thác thủy sản: Hiện nay cả nước có 90.880 tàu thuyền đánh cá, tăng bình quân 3,76%, với tổng công suất 5.317.447 HP tăng bình quân 10,17% hàng năm. Năm 2005 sản lượng khai thác 1,995 triệu tấn, tăng 3,71% gồm 1,8 triệu tấn hải sản và 0,195 triệu tấn khai thác nội địa, khai thác đóng góp 58% tổng sản lượng thủy sản. (nguồn Bộ thủy sản)

Nuôi trồng thủy sản: Năm 2005, sản lượng nuôi trồng thủy sản là 1,437 triệu tấn, tăng bình quân 19,29%, nuôi trồng đóng góp 42% tổng sản lượng với các loài nuôi chính: tôm 310.200 tấn, cá tra 550.000 tấn. Ngành đã áp dụng tiêu chuẩn đảm bảo an toàn thực phẩm cho nuôi, các tiêu chuẩn BAP, GAP, SQF-1000 đang bắt đầu được áp dụng, các mô hình nuôi công nghệ tiên tiến đang được mở rộng, chương trình quốc gia về giám sát các độc tố sinh học và hàm lượng hoá chất độc hại trong vùng nuôi đang được áp dụng rộng rãi. Hiện nay vị trí của Việt Nam đang đứng thứ 6 trong nuôi thủy sản thế giới với tổng diện tích nuôi là 1898.334 ha trong đó nước ngọt là 913.271 ha; nước lợ là 965.063 ha còn lại 20.000 ha đất cát (nguồn Bộ thủy sản)

Chế biến thủy sản: Hàng thủy sản Việt Nam hiện đã có mặt tại 119 nước và vùng lãnh thổ, cả nước có 439 nhà máy chế biến công nghiệp, 320 nhà máy đông lạnh với công suất mỗi ngày 4.262 triệu tấn, 209 nhà máy được phép xuất khẩu sang EU, 300 doanh nghiệp đạt chuẩn quốc gia, áp dụng quy trình quản lý chất lượng sản phẩm theo HACCP, đủ tiêu chuẩn vào thị trường Mỹ, 222 doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sản

phẩm vào thị trường Hàn Quốc, 295 doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào Trung Quốc,...

Bên cạnh vai trò nòng cốt của đội ngũ doanh nhân, lực lượng khoa học công nghệ đã có đóng góp to lớn với việc làm chủ công nghệ sinh sản nhân tạo tôm sú, các nhà khoa học thủy sản đã thành công trong việc nhân giống nhiều loài thủy sản quý hiếm như: cá mú, cá bóp, cá chẽm, cua biển, tôm càng xanh... Những thành tựu khoa học này là nền tảng để phát triển các sản phẩm thủy sản xuất khẩu.

Hiện nay Bộ Thủy sản đang soạn thảo Chương trình phát triển xuất khẩu thủy sản tới năm 2010 và tầm nhìn 2020, sản lượng thủy sản đạt 4 triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu dự kiến sẽ đạt 4 tỷ USD và đến năm 2020 sẽ đạt từ 4.5 đến 5 tỷ USD, mức tăng trưởng xuất khẩu sẽ tăng 49.81% , trung bình tăng 10.63%/năm.

Dự báo, ngành thủy sản Việt Nam sẽ đạt được những chỉ tiêu trên do các nhà quản lý và sản xuất đã nhận thức được nhu cầu cấp thiết phải phát triển bền vững để tiến tới hội nhập, đáp ứng các yêu cầu của xu hướng thương mại hóa toàn cầu.

Cơ cấu hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam vẫn tiếp tục chuyển dịch theo hướng tiếp tục gia tăng tỷ trọng của sản phẩm chế biến và các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, giảm tỷ trọng hàng thô. Theo kế hoạch của Bộ Thủy sản, đến năm 2010, Việt Nam sẽ phát triển các nhóm sản phẩm chính như tôm sú (xuất khoảng 160.000 tấn) tôm chân trắng (khoảng 25.000 tấn) tôm hùm, tôm càng xanh, cá tra, cá basa, ...

Việc mở rộng thị trường quảng bá thương hiệu kết hợp với việc tìm hiểu nhu cầu các thị trường để sản xuất các mặt hàng phù hợp có giá trị cao sẽ đóng góp phần quan trọng vào việc tạo đầu ra cho các sản phẩm nuôi. Dự báo, trong giai đoạn tới, xuất khẩu thủy sản Việt Nam sẽ có mặt tại 119 thị trường nhưng vẫn tập trung vào 20 thị trường chính.

Sự kiện Việt Nam gia nhập WTO và Mỹ bình thường quan hệ với Việt Nam khiến thị trường Mỹ đã trở nên dễ dàng hơn cho hàng thủy sản Việt Nam thâm nhập sâu vào thị trường này và cũng như những thị trường khác trên thế giới.

Chính sách của nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế biển đã mở ra một giai đoạn phát triển mới cho ngành thủy sản, tạo điều kiện thuận lợi cho ngành thủy sản vươn ra xa khai thác nguồn lợi biển.

Do dịch bệnh gia cầm, gia súc xảy ra thường xuyên trên toàn thế giới, khuyến khích người tiêu dùng hạn chế ăn thịt gia cầm, gia súc và tăng khẩu phần ăn mặt hàng thủy sản có chất dinh dưỡng cao, ít chất béo có lợi cho sức khỏe.

Theo Quyết định số 10/2006/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển của ngành Thủy sản đến năm 2010 và định hướng năm 2020, mục tiêu cụ thể đến năm 2010 như sau :

- Sản lượng tăng với tốc độ bình quân 3,8%/năm
- Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản tăng với tốc độ bình quân 10,63%/năm
- Tổng sản lượng thủy sản đến năm 2010 đạt 3,5 - 4,0 triệu tấn/năm
- Giá trị kim ngạch xuất khẩu 2010 đạt 4 tỷ USD
- Lao động nghề cá tăng bình quân 3%/năm

Với mục tiêu nêu trên, có thể thấy tốc độ phát triển trong hoạt động xuất khẩu thủy sản là rất lớn, hứa hẹn nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp chế biến thủy sản vươn lên theo hướng mở rộng thị trường và gia tăng năng lực sản xuất.

Tổng kết năm 2007 vừa qua, xuất khẩu thủy sản có tốc độ tăng trưởng rất cao, cơ cấu sản phẩm, cơ cấu thị trường chuyển dịch theo hướng tích cực mặc dù thị trường xuất khẩu thủy sản vẫn gặp nhiều khó khăn và thách thức.

Trong cái khó đã “ló” cái khôn, các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản đã chủ động chuyển hướng thị trường, vừa giữ được thị trường truyền thống, vừa mở rộng, phát triển các thị trường mới sang Nga, Ukraine, Nam Mỹ, Đông Âu, Nam Phi, Châu Phi,...

Và kết quả thật bất ngờ, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 3.950 nghìn tấn, giá trị xuất khẩu khoảng 3,8 tỷ USD. Nước ta trở thành một trong mười nước xuất khẩu thủy sản lớn nhất thế giới, "chinh phục" thị trường 128 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Trong đó xuất khẩu sang thị trường EU là chủ yếu, chiếm tới 49,1%; các nước ASEAN 8,3%; Nga 7,3%, ... Việc kiểm tra chất lượng được đặt ra nghiêm ngặt trong lĩnh vực chế biến và đã bước đầu mở rộng ra các vùng sản xuất nguyên liệu. Những lô hàng được kiểm tra chất lượng đáp ứng yêu cầu của thị trường nhập khẩu. Nhiều doanh nghiệp đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, đổi mới trang thiết bị chế biến, tự trang bị các thiết bị kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Đến nay, cả nước đã có 500 cơ sở CBTS, trong đó có 275 doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường EU. Chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản nội địa cũng có khởi sắc.

Căn cứ tình hình thực tiễn, Bộ xác định kế hoạch phát triển ngành thủy sản năm 2008 với sản lượng ước đạt 4,1 triệu tấn, giá trị xuất khẩu 4 tỷ USD (tăng 5,26% so với năm 2007).

8. Chính sách đối với người lao động

Số lượng người lao động trong công ty

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty đến 30/06/2008 là: 2.214 người.

Trong đó :

+ Đại học và trên đại học:	74 người	chiếm 3.35%
+ Cao đẳng và trung cấp:	230 người	chiếm 10.39%
+ Công nhân lành nghề:	1.910 người	chiếm 86.26%

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

➤ Chế độ làm việc

Công ty cổ phần chế biến xuất nhập khẩu thủy sản Cadovimex thực hiện nghiêm chỉnh Bộ Luật Lao động của Việt Nam, triển khai cụ thể đến toàn bộ công nhân viên. Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ ốm đau, thai sản,... theo quy định của nhà nước đối với toàn bộ cán bộ công nhân viên. Công ty cũng đã thành lập trạm xá tại mỗi xí nghiệp sản xuất để giải quyết khám chữa bệnh kịp thời cho công nhân viên. Ngoài ra công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ mỗi năm 01 lần cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.

Công ty luôn làm tốt công tác bảo hộ lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thực hiện nghiêm các quy định về bảo hộ lao động và các quy chế an toàn lao động. Công ty có hệ thống nước sạch phục vụ sinh hoạt, vệ sinh một cách đầy đủ và an toàn cho cán bộ công nhân viên.

Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày/tuần, thời gian làm việc 44 giờ/tuần đối với lao động gián tiếp và 48 giờ/tuần đối với lao động trực tiếp. Tuy nhiên do đặc thù của ngành thủy sản là sản xuất theo mùa vụ nên vào con nước mùa vụ làm việc hơn 8 giờ/ngày, vào những ngày ngoài con nước làm việc ít hơn 8 giờ/ngày nhưng vẫn đảm bảo 48 giờ/tuần, đảm bảo cung cấp bữa ăn giữa ca. Hàng năm cán bộ công nhân viên được tổ chức đi tham quan du lịch, nghỉ mát.

➤ ***Chính sách tuyển dụng đào tạo***

Quy trình tuyển dụng của công ty: bắt nguồn từ nhu cầu của các bộ phận, trưởng các bộ phận đề nghị tuyển dụng nhân sự gửi nội dung yêu cầu về phòng tổ chức thực hiện chức năng tuyển dụng. Công ty rất xem trọng chính sách tuyển dụng, chọn người có năng lực trình độ, ngày càng nâng tỷ lệ cán bộ quản lý, khoa học kỹ thuật trong công ty.

Hàng năm Công ty thực hiện đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ công nhân viên. Công ty tổ chức học tập và thi tay nghề hàng năm cho công nhân trực tiếp sản xuất để nhận xét nâng bậc tay nghề và nâng bậc lương.

➤ ***Chính sách lương thưởng, trợ cấp***

Công ty trả lương dựa trên đơn giá tiền lương do Công ty xây dựng, trên cơ sở tham khảo mặt bằng lương các đơn vị cùng ngành trong địa bàn, Công ty cũng hoàn tất việc xây dựng đơn giá lương cho từng công đoạn, thực hiện trả lương khoán sản phẩm theo sản lượng sản xuất.

Công ty xây dựng quy chế khen thưởng, hàng tháng căn cứ vào quy chế, Phòng tổ chức tính khen thưởng theo quy định nhằm nâng cao tinh thần hăng say lao động, sáng tạo trong cán bộ công nhân viên công ty.

Cuối năm xét chọn cán bộ công nhân viên có thành tích xuất sắc trong năm và xếp loại A, B, C, đồng thời đề nghị UBND tỉnh, Bộ Thủy sản tặng bằng khen. Đồng thời thưởng năm theo thời gian công tác từng cán bộ và công nhân.

Các khoản phúc lợi được trích để xây nhà tập thể cho công nhân nghỉ ngơi, ngoài ra Công ty còn xây nhà ăn phục vụ cho công nhân 02 bữa chính và 01 bữa ca 3 trong những ngày tăng ca.

9. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội Cổ đông thông qua, chính sách phân phối lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông của Công ty được quy định như sau:

- Công ty sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi.
- Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

Theo kế hoạch năm 2008, Công ty sẽ trả cổ tức theo tỷ lệ 20%/mệnh giá. Đây là mức cổ tức tương đối cao so với các doanh nghiệp trong cùng ngành nghề và các Công ty

niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán. Với mức cổ tức này Công ty phải dùng hơn 50% lợi nhuận sau thuế trong năm 2007 để chi trả cổ tức, phần lợi nhuận còn lại Công ty sẽ dùng bổ sung các quỹ và bổ sung nguồn vốn kinh doanh tại thời điểm thích hợp. Đây cũng là chính sách nhằm làm gia tăng lợi ích của cổ đông Công ty.

Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Công ty hoạch toán theo đúng luật kế toán hiện hành, sử dụng hệ thống kế toán Việt Nam.

➤ Trích khấu hao TSCĐ

Công ty thực hiện trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau :

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển, thiết bị truyền dẫn	04 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

➤ Mức lương bình quân

Các bộ phận của công ty hưởng lương theo quy chế khoán sản phẩm hiện hành của Công ty. Mức thu nhập bình quân của Công ty năm 2005 là : 1.005.878 đ/tháng, năm 2006 là: 1.160.364đ/tháng, năm 2007 là: 1.259.842đ/tháng

➤ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và các khoản vay của tổ chức tín dụng, tổ chức khác và cá nhân.

➤ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, và các khoản thuế khác theo các quy định của Nhà nước.

➤ Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập các quỹ theo tỷ lệ sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ : không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và sẽ chỉ được tiếp tục trích nộp tới một giới hạn tích lũy bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Các quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

➤ Dự nợ vay ngân hàng

Tại thời điểm 30/06/2008 dự nợ vay ngân hàng như sau :

- Nợ vay ngắn hạn

Ngân hàng	Hạn mức (đ)	Dư nợ 30/06/2008 (đ)
Ngân hàng No & PTNT	150.000.000.000	147.261.363.008
Ngân hàng ngoại thương	110.000.000.000	82.933.024.448
Ngân hàng Đầu tư	130.000.000.000	101.905.651.456
Ngân hàng phát triển VN ^(*)	(theo tỷ lệ tiền gửi 1:3)	126.300.000.000
Tổng	390.000.000.000	458.400.038.912

(*) Tiền gửi nếu là 1 đồng thì được vay 3 đồng.

- Nợ vay dài hạn

Ngân hàng	Dư nợ 30/06/2008 (đ)
Ngân hàng No & PTNT	1.500.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt nam	7.754.810.930
Ngân hàng Công thương	3.542.800.000
Ngân hàng Đầu tư Đồng tháp	115.713.497.200
Tổng	128.511.108.130

Công ty vay ngắn hạn phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động, chủ yếu là vay để mua nguyên liệu, các khoản vay dài hạn được sử dụng để tài trợ xây dựng các hạn mục đầu tư dài hạn.

Công ty thanh toán nợ đúng hạn theo hợp đồng vay vốn, không có nợ quá hạn và nợ bảo lãnh.

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	2006	2007	6T/2008
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,10	1,28	1,39
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,66	0,67	0,73
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	Lần	0,82	0,59	0,75
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	Lần	0,18	0,25	0,21
- Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	Lần	4,63	3,39	3,65
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	6,85	2,73	0,99
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,32	1,09	0,40
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				

Các chỉ tiêu	ĐVT	2006	2007	6T/2008
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	1,87	2,31	0,43
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	24,37	11,50	0,83
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,33	2,53	0,17

Khả năng thanh toán của Công ty ngày càng được cải thiện, xu hướng tăng dần qua các năm, Công ty đảm bảo khả năng thanh toán.

Việc giảm cơ cấu nợ phải trả trên tổng nguồn vốn, gia tăng cơ cấu vốn chủ sở hữu trên tổng vốn giúp Công ty cải thiện tốt hơn khả năng tự tài trợ của mình, giảm áp lực thanh toán nợ vay.

Hiệu quả sản xuất kinh doanh ngày càng gia tăng thể hiện ở hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần. Đây cũng là một trong những đặc điểm của ngành thủy hải sản, do yêu cầu lớn về hạ tầng cơ sở nên đòi hỏi phải có khả năng tiêu thụ lớn mới có thể có lợi nhuận tốt.

Sự gia tăng trong sản lượng sản xuất và tiêu thụ như đã đề cập ở phần trên đã mang lại hiệu quả kinh doanh khả quan cho Công ty, làm tăng giá trị cổ phần mang lại hiệu quả đầu tư của các cổ đông.

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu năm 2007 giảm đáng kể so với năm 2006 (từ 24,37% còn 11,5%), lý do Công ty tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 74,55 tỷ đồng, làm nguồn vốn chủ sở hữu tăng từ 74,9 tỷ lên 176,5 tỷ (trong đó có thặng dư vốn là 72,5 tỷ) → tăng 235%.

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động và các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đến hết Quý 2/2008 có giảm là do tình hình Kinh tế Thế giới và trong nước khó khăn (lạm phát tăng cao, tỷ giá ngoại tệ biến động liên tục, giá của nguyên vật liệu đầu vào tăng,...), và do đặc thù của ngành thủy sản nói chung: trong quý 1 trái mùa vụ, nguyên liệu rất ít, sản xuất ít nên doanh số xuất khẩu cũng giảm so với các quý khác, sang quý 2 nguồn nguyên liệu có tăng lên, đặc biệt là quý 3 và quý 4 là mùa vụ chính của ngành thủy sản - phần lớn lợi nhuận và doanh số tăng nhiều ở hai quý này.

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty tốt, khả năng sinh lời cao hơn, đi kèm với độ an toàn tài chính cao. Có thể nói rằng Công ty ổn định sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững.

11. Lý lịch trích ngang của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1 Hội đồng quản trị

*** Ông Võ Thành Tiên:**

- | | |
|------------------------|--|
| 1. Giới tính: | Nam |
| 2. Năm sinh: | 1962 |
| 3. Nơi sinh: | Bình Châu, Bình Sơn, Quảng Ngãi |
| 4. Quốc tịch: | Việt Nam |
| 5. Dân tộc: | Kinh |
| 6. Địa chỉ thường trú: | Khóm 2, Thị trấn Cái Đồi Vàm, Phú Tân Cà Mau |



7. Trình độ văn hóa: 12/12
 8. Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị kinh doanh
 9. Quá trình công tác:

03/1981 - 11/1981	Nhân viên kế toán Xí nghiệp Liên hiệp huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
11/1981 - 09/1983	Kế toán trưởng Xí nghiệp Đường huyện Cái nước, tỉnh Cà Mau
09/1983 - 06/1984	Phó phòng kế toán Công ty nông thủy sản xuất khẩu huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
06/1984 - 06/1987	Kế toán trưởng Công ty Liên hiệp Thủy sản huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; Bí thư Đoàn Ủy
06/1987 - 05/1989	Kế toán trưởng Công ty Liên hiệp Thủy sản Cái Nước
05/1989 - 09/1990	Kế toán trưởng Xí nghiệp Liên hiệp thủy sản Cái Đồi Vàm, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; Bí thư Đảng Ủy Công ty
09/1990 - 06/1997	Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh Xuất nhập khẩu Thủy sản Cái Đồi Vàm, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
06/1997 - 02/2005	Giám đốc Công ty Kinh doanh Xuất nhập khẩu Thủy sản Cái Đồi Vàm, tỉnh Cà Mau; Bí thư Đảng Ủy Công ty
02/2005 – 07/2008	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex; Bí thư Đảng Ủy Công ty.
08/2008 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex; Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II.
 10. Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex
 11. Hành vi vi phạm pháp luật: không có
 12. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
 13. Số cổ phần nắm giữ: 80.000 cổ phần (tỷ lệ: 1,00% tổng vốn cổ phần)
Cá nhân: 80.000 cổ phần (tỷ lệ: 1,00% tổng vốn cổ phần)
Đại diện: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)
 14. Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)
Tỷ lệ nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)
 15. Các khoản nợ đối với Công ty: không có
 16. Lợi ích liên quan đến Công ty: không có
- * Ông Tạ Hùng Mau**
1. Giới tính: Nam
 2. Năm sinh: 1965



3. Nơi sinh: Tạ An Khương, Đầm Dơi, Cà Mau
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ thường trú: 243 C Lê Vĩnh Hoà, Phường 8, Tỉnh Cà Mau
7. Trình độ văn hóa: 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán
9. Quá trình công tác:
 - 1989 - 1998 Đại lý thu mua tôm cung cấp cho các đơn vị trong và ngoài tỉnh
 - 1999 - 2002 Phó Giám đốc Công ty TNHH Công Thịnh
 - 2003 đến nay Giám đốc Công ty TNHH Hưng Nguyên
10. Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
11. Hành vi vi phạm pháp luật: không có
12. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
13. Số cổ phần nắm giữ: 246.800 cổ phần (tỷ lệ: 3.08% tổng vốn cổ phần)
 - Cá nhân: 246.800 cổ phần (tỷ lệ: 3.08% tổng vốn cổ phần)
 - Đại diện: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)
14. Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)
 - Tỷ lệ nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)
15. Các khoản nợ đối với Công ty: không có
16. Lợi ích liên quan đến Công ty: không có

*** Ông Trần Minh Hoàng**

1. Giới tính: Nam
2. Năm sinh: 1965
3. Nơi sinh: Châu Hưng, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ thường trú: Khóm 2, Thị trấn Cái Đồi Vàm, Phú Tân, Cà Mau
7. Trình độ văn hóa: 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Đại học Công nghệ thực phẩm.
9. Quá trình công tác:
 - 12/1992 - 08/1993 Tổ trưởng KCS Công ty kinh doanh XNK thủy sản Cái Đồi Vàm
 - 08/1993 - 07/1996 Quản đốc Xí nghiệp 72 thuộc Công ty kinh doanh XNK thủy sản



Cái Đôi Vàm

07/1996 - 01/2005 Phó Tổng Giám Đốc Công ty kinh doanh XNK thủy sản Cái Đôi Vàm

02/2005 đến nay Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần chế biến và xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex

10. Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám Đốc

11. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

12. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

13. Số cổ phần nắm giữ: 81.875 cổ phần (tỷ lệ: 1,02 % tổng vốn cổ phần)

Cá nhân: 81.875 cổ phần (tỷ lệ: 1,02 % tổng vốn cổ phần)

Đại diện: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)

14. Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)

Tỷ lệ nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)

15. Các khoản nợ đối với Công ty: không có

16. Lợi ích liên quan đến Công ty: không có

*** Ông Huỳnh Koc Hải**

1. Giới tính: Nam

2. Năm sinh: 1947

3. Nơi sinh: Rạch Giá, Kiên Giang

4. Quốc tịch: Australia

5. Dân tộc: Kinh

6. Địa chỉ thường trú: 18 Dan Tum Gve – Braybrook Vic 3019, Australia

7. Trình độ văn hóa: 12/12

8. Trình độ chuyên môn: Không

9. Quá trình công tác: Giám đốc điều hành từ năm 1990 đến nay của Công ty

SEA HARVEST IMPORT & EXPORT P/L

24 HUGHES ST, YARRAVILLE VIC, 3013

P.O. BOX 6319, FOOTSCRAY WEST 3012

10. Chức vụ hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị

11. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

12. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

13. Số cổ phần nắm giữ: 487.198 cổ phần (tỷ lệ: 6.09 % tổng vốn cổ phần)

Cá nhân: 487.198 cổ phần (tỷ lệ: 6.09 % tổng vốn cổ phần)

Đại diện: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)

14.. Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)

Tỷ lệ nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)

15. Các khoản nợ đối với Công ty: không có

16. Lợi ích liên quan đến Công ty: không có

*** Ông Tăng Gia Phong**

1. Giới tính: Nam

2. Năm sinh: 1966

3. Nơi sinh : Cái Nước, Cà Mau

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. Dân tộc: Kinh

6. Địa chỉ thường trú: Khóm 2, Thị trấn Cái Đoi Vàm, Phú Tân, Cà Mau

7. Trình độ văn hóa: 12/12

8. Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán

9. Quá trình công tác:

1989 - 1990 Công tác Phòng Tài chính, huyện Cái Nước

1990 - 1997 Công tác Chi cục thuế huyện Cái Nước

1997 - 01/2005 Kế toán trưởng Công ty kinh doanh XNK thủy sản Cái Đoi Vàm

02/2005 - 07/2008 Kế toán trưởng Công ty cổ phần chế biến và xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex

08/2008 đến nay Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần chế biến và xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex; Thành viên HĐQT

10. Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị

11. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

12. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

13. Số cổ phần nắm giữ: 51.650 cổ phần (tỷ lệ: 0,64 % tổng vốn cổ phần)

Cá nhân: 51.650 cổ phần (tỷ lệ: 0,64 % tổng vốn cổ phần)

Đại diện: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)

14. Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)

Tỷ lệ nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)



15. Các khoản nợ đối với Công ty: không có

16. Lợi ích liên quan đến Công ty: không có

*** Ông Nguyễn Quốc Tuấn**

1. Giới tính: Nam

2. Năm sinh: 1960

3. Nơi sinh: Thanh Trì, Gò Công

4. Quốc tịch: Australia

5. Dân tộc: Kinh

6. Địa chỉ thường trú: 26 Elmsford Keysborough Vic 3174

7. Trình độ văn hóa: 12/12

8. Trình độ chuyên môn: Đại học

9. Quá trình công tác:

Năm 1986 đến nay Giám đốc Công ty NVM Pty Australia

Năm 2004 đến nay Giám đốc Công ty Datkeys Liên doanh Việt Nam và Australia

Năm 2005 đến nay Chủ tịch HĐQT Công ty Altech Windows Pty Ltd Australia

10. Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị

11. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

12. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

13. Số cổ phần nắm giữ: 125.000 cổ phần (tỷ lệ: 1,56% tổng vốn cổ phần)

Cá nhân: 125.000 cổ phần (tỷ lệ: 1,56% tổng vốn cổ phần)

Đại diện: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)

14. Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)

Tỷ lệ nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)

15. Các khoản nợ đối với Công ty: không có

16. Lợi ích liên quan đến Công ty: không có

*** Bà Trần Ngọc Tươi**

1. Giới tính: Nữ

2. Năm sinh: 1971

3. Nơi sinh: Gạch Giá, Kiên Giang

4. Quốc tịch: Việt Nam



5. Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ thường trú: 2Y, Đường Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Tp.HCM
7. Trình độ văn hóa: 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán
9. Quá trình công tác:

Trước năm 1990	Đi học
1990 - 1995	Trưởng phòng KCS, Xí nghiệp Đông lạnh Thủy sản 8
1995 - 2000	Phòng Kinh doanh, Xí nghiệp Đông lạnh Thủy sản 1
2001 đến nay	Giám đốc Công ty TNHH Vĩnh Thuận
10. Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị
11. Hành vi vi phạm pháp luật: không có
12. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
13. Số cổ phần nắm giữ: 190.618 cổ phần (tỷ lệ: 2.38% tổng vốn cổ phần)
Cá nhân: 190.618 cổ phần (tỷ lệ: 2.38 % tổng vốn cổ phần)
Đại diện: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)
14. Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)
Tỷ lệ nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)
15. Các khoản nợ đối với Công ty: không có
16. Lợi ích liên quan đến Công ty: không có

*** Ông Huỳnh Văn Long**

1. Giới tính: Nam
2. Năm sinh: 1953
3. Nơi sinh: Trà Vinh, Vĩnh Long
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ thường trú: 144 Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp.HCM
7. Trình độ văn hóa: 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Cao đẳng cơ điện lạnh
9. Quá trình công tác:

1971 - 1973	Học nghề điện lạnh, 105 Trần Quang Diệu Quận 3, Tp. HCM
-------------	---



- 1973 - 1975 Kỹ thuật điện lạnh, 493 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, Tp.HCM
 1975 - 1993 Kỹ thuật điện lạnh, Liên hợp Điện lạnh 87 Cống Quỳnh, Quận 1 Tp.HCM
 1993 đến nay Giám đốc Công ty Điện lạnh Sài Gòn

10. Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị

11. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

12. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

13. Số cổ phần nắm giữ: 283.055 cổ phần (tỷ lệ: 3,54% tổng vốn cổ phần)

Cá nhân: 283.055 cổ phần (tỷ lệ: 3,54% tổng vốn cổ phần)

Đại diện: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)

14. Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)

Tỷ lệ nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)

15. Các khoản nợ đối với Công ty: không có

16. Lợi ích liên quan đến Công ty: không có

*** Ông Cao Thanh Định**

1. Giới tính: Nam

2. Năm sinh: 1972

3. Nơi sinh: Hà Nội

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. Dân tộc: Kinh

6. Địa chỉ thường trú: 9D5 Cư xá 304, Phường 25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

7. Trình độ văn hóa: 12/12

8. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

9. Quá trình công tác:

1994 - 1995 Chuyên viên Tín dụng Ngân hàng BFCE

1995 - 2000 Giám đốc Tín dụng Ngân hàng Deutsche Bank

2000 - 2002 Giám đốc Quan hệ Khách hàng Ngân hàng UOB

2002 - 2003 Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Bảo Minh CMG

2003 - 2007 Giám đốc Đầu tư Dịch vụ Tài chính – Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

2007 đến nay Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

10. Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị

11. Hành vi vi phạm pháp luật: không có
12. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
13. Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ: 0% tổng vốn cổ phần)
 Cá nhân: 0 cổ phần (tỷ lệ: 0% tổng vốn cổ phần)
 Đại diện: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)
14. Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)
 Tỷ lệ nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)
15. Các khoản nợ đối với Công ty: không có
16. Lợi ích liên quan đến Công ty: không có

11.2 Ban giám đốc :

Ban Giám Đốc Công ty gồm 3 thành viên

*** Bà Phạm Thị Hường**

1. Giới tính: Nữ
2. Năm sinh: 1968
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. Nơi sinh: Cai Lậy, Tiền Giang
5. Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ thường trú: Khóm 2, thị trấn Cái Đôi Vàm, Phú Tân, Cà Mau
7. Trình độ văn hóa: 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kế toán Lao động tiền lương
9. Quá trình công tác:

06/1991 - 06/1997	Nhân viên Kế toán Thống kê tại Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
06/1997 - 1999	Nhân viên Phòng Kế toán Tài vụ Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
1999 - 2000	Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
2000 - 09/2002	Phó Phòng Kinh doanh Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
09/2002 - 05/2003	Quản đốc Xí nghiệp 72, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
05/2003 - 01/2005	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm



02/2005 - 06/2006	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Chế biến và XNK Thủy sản Cadovimex
06/2006 - 07/2008	Phó Tổng Giám đốc Công ty Công ty Cổ phần Chế biến và XNK Thủy sản Cadovimex
08/2008 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty Công ty Cổ phần Chế biến và XNK Thủy sản Cadovimex

10. Chức vụ hiện nay: Tổng Giám Đốc

11. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

12. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

13. Số cổ phần nắm giữ: 8.315 cổ phần (tỷ lệ: 0,10 % tổng vốn cổ phần)

Cá nhân: 8.315 cổ phần (tỷ lệ: 0,10 % tổng vốn cổ phần)

Đại diện: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)

14. Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)

- Chồng : Nguyễn Tấn Cường

Tỷ lệ nắm giữ : 7.002 cổ phần (tỷ lệ 0,09% tổng vốn cổ phần)

15 .Các khoản nợ đối với Công ty: không có

16. Lợi ích liên quan đến Công ty: không có

*** Tăng Gia Phong**

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

(xem phần trên)

*** Trần Minh Hoàng**

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

(xem phần trên)

11.3 Ban kiểm soát

Ban Kiểm Soát Công ty gồm 3 thành viên

*** Ông Trần Hoàng Giang**

1. Giới tính: Nam
2. Năm sinh: 1967
3. Nơi sinh: Long Thành, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Dân tộc: Kinh



6. Địa chỉ thường trú: 178 Ngô Gia Tự, Phường 5, Cà Mau
7. Trình độ văn hóa: 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Đại học Hàng hải, Đại học Quản trị kinh doanh
9. Quá trình công tác:
- | | |
|-------------------|---|
| 05/1991 - 02/1998 | Kế toán văn phòng Cà mau, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm |
| 03/1998 - 02/2002 | Trưởng Văn Phòng Cà mau, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm |
| 03/2002 - 09/2002 | Phó Phòng Kinh Doanh, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm |
| 09/2002 - 05/2003 | Trưởng Phòng Kinh Doanh, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm |
| 05/2003 - 01/2005 | Trưởng Phòng Thu Mua, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm |
| 02/2005 đến nay | Trưởng Ban Kiểm Soát, Công ty Cổ Phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex |
10. Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban Kiểm Soát
11. Hành vi vi phạm pháp luật: không có
12. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
13. Số cổ phần nắm giữ: 3.534 cổ phần (tỷ lệ: 0,04% tổng vốn cổ phần)
- Cá nhân: 3.534 cổ phần (tỷ lệ: 0,04 % tổng vốn cổ phần)
- Đại diện: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)
14. Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)
- Tỷ lệ nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)
15. Các khoản nợ đối với Công ty: không có
16. Lợi ích liên quan đến Công ty: không có

*** Ông Nguyễn Việt Khái**

- | | |
|------------------------|--|
| 1. Giới tính: | Nam |
| 2. Năm sinh: | 1982 |
| 3. Quốc tịch: | Việt Nam |
| 4. Nơi sinh | Thới Bình, Cà Mau |
| 5. Dân tộc: | Kinh |
| 6. Địa chỉ thường trú: | Tắc Thủ, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, Cà Mau |



7. Trình độ văn hóa: 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kế toán
9. Quá trình công tác:
- 02/2000 - 03/2004 Chi cục thuế huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
- 04/2004 đến nay Nhân viên phòng KTKH, Công ty Cổ phần chế biến và XNK Thủy sản Cadovimex
10. Chức vụ hiện nay: Nhân viên phòng KTKH - Thành viên Ban kiểm soát
11. Hành vi vi phạm pháp luật: không có
12. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
13. Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ: 0 % tổng vốn cổ phần)
- Cá nhân: 0 cổ phần (tỷ lệ: 0 % tổng vốn cổ phần)
- Đại diện: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)
14. Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)
- Tỷ lệ nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)
15. Các khoản nợ đối với Công ty: không có
16. Lợi ích liên quan đến Công ty: không có

*** Ông Châu Long**

1. Giới tính: Nam
2. Năm sinh: 1966
3. Nơi sinh: Phú Tân, Cà mau
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ thường trú: Thị trấn Cái Đôi Vàm, Phú Tân, Cà Mau
7. Trình độ văn hóa: 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán
9. Quá trình công tác:
- 03/1983 - 04/1986 Kế toán Phân xưởng đá, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
- 05/1986 - 08/1989 Kế toán vật tư, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
- 09/1989 - 05/1991 Cán bộ thu mua, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm

06/1991 - 09/1998	Phó Phòng Tổ chức, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đồi Vàm
10/1998 - 07/2000	Tổ Trưởng Thống kê, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đồi Vàm
08/2000 - 10/2003	Phó Phòng Thu mua, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đồi Vàm
11/2003 - 01/2005	Phó Phòng Kế Toán, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đồi Vàm
02/2005 đến nay	Trưởng phòng Kế toán Thống kê Xí nghiệp Nam Long, thành viên Ban kiểm soát

10. Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát

11. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

12. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

13. Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ: 0,00% tổng vốn cổ phần)

Cá nhân: 0 cổ phần (tỷ lệ: 0,00 % tổng vốn cổ phần)

Đại diện: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)

14. Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)

Tỷ lệ nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)

15. Các khoản nợ đối với Công ty: không có

16. Lợi ích liên quan đến Công ty: không có

11.4 Kế toán trưởng

*** Ông Dương Ngọc Thới**

1. Giới tính:	Nam
2. Năm sinh:	1976
3. Nơi sinh	Khóm 8, Phường 7, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau
4. Quốc tịch:	Việt Nam
5. Dân tộc:	Kinh
6. Địa chỉ thường trú:	Khóm 8, Phường 7, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau
7. Trình độ văn hóa:	12/12
8. Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
9. Quá trình công tác:	
1996 - 2004	Cán bộ Sở Tài chính tỉnh Cà Mau
2004 - 2007	Chuyên viên tổng hợp Sở Tài chính tỉnh Cà Mau



- 2007 – 07/2008 Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Cổ phần Chế biến XNK Thủy sản Cadovimex.
- 07/2008 đến nay Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex
10. Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex
11. Hành vi vi phạm pháp luật: không có
12. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
13. Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ: 0,00% tổng vốn cổ phần)
Cá nhân: 0 cổ phần (tỷ lệ: 0,00 % tổng vốn cổ phần)
Đại diện: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)
14. Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)
Tỷ lệ nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0% tổng vốn cổ phần)
15. Các khoản nợ đối với Công ty: không có
16. Lợi ích liên quan đến Công ty: không có

12. Tài sản chủ yếu

Diện tích đất đai, diện tích trụ sở Công ty đang quản, sử dụng:

Tổng diện tích đất đang quản lý, sử dụng: 93.732 m², trong đó:

- Diện tích đất thuê 93.732 m²
- Diện tích nhà xưởng 8.963 m²
- Diện tích kho tàng 2.102m²
- Diện tích bến bãi 1.528m²
- Diện tích nhà công nhân 81.139m²

Tình hình tài sản cố định đang sử dụng của Công ty tại thời điểm 30/06/2008

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	37.736.932.397	22.361.567.598
2	Máy móc thiết bị	56.426.501.193	33.239.028.824
3	Phương tiện vận tải	3.874.683.889	2.770.665.655
4	Dụng cụ quản lý	7.455.769.676	5.072.003.668
	Tổng cộng	105.525.047.155	63.443.265.745

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2008 và 2009

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	2008	
	đồng	% tăng giảm so với năm 2007
Vốn điều lệ (*)	136.000.000.000	82,42%
Doanh thu thuần	1.300.000.000.000	46,72%
Lợi nhuận sau thuế	30.000.000.000	46,46%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/DT thuần	2,31%	0%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/VĐL (**)	22,06%	-20%
Cổ tức	20%	

(*) Sau khi niêm yết trên HOSE, Công ty sẽ hoàn tất các thủ tục trình UBCKNN về việc tăng vốn từ 80 tỷ lên 136 tỷ theo Nghị quyết của ĐHCĐ ngày 13/04/2008:

- Khối lượng phát hành: 5.600.000 cổ phiếu tương đương 56 tỷ VNĐ
- Phương thức phát hành: Mua theo tỷ lệ 10:7 trên cổ phần hiện hữu
- Giá phát hành: Giảm 40% so với giá bình quân của 5 phiên giao dịch liên tiếp trước ngày giao dịch không hưởng quyền.

(**) Ở đây chúng ta lấy VĐL vào cuối năm 2008, do vậy tỷ số này là 22,06%, nếu chúng ta lấy VĐL bình quân trong năm là 108 tỷ [tức là khoảng : (80 tỷ x 6 tháng + 136 tỷ x 6 tháng) : 12 tháng # 108 tỷ] thì tỷ số Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/VĐL này tăng lên rất nhiều (#27,78%) → % tăng giảm của năm 2008 so với năm 2007 cũng sẽ tăng, #1%.

➤ Sang năm 2009 các chỉ tiêu kế hoạch như sau:

Chỉ tiêu	2009	
	đồng	% tăng giảm so với năm 2008
Vốn điều lệ	136.000.000.000	
Doanh thu thuần	1.450.000.000.000	11,54%
Lợi nhuận sau thuế	37.000.000.000	23,33%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/DT thuần	2,55%	10,39%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/VĐL	27,21%	23,35%
Cổ tức	20%	

➤ **Những căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2008**

Đầu tư tăng cường hệ thống quản lý bằng tin học trong toàn công ty.

Đổi mới công tác tuyển dụng quản lý lao động và chính sách tiền lương một cách hợp lý, đảm bảo cạnh tranh và thu hút lao động có tay nghề.

Đầu tư thiết bị đóng gói, cải tiến bao bì, mẫu mã sản phẩm, quan tâm đặc biệt sản xuất sản phẩm giá trị gia tăng, hàng có hàm lượng tinh chế cao.

Củng cố tăng cường kinh doanh thủy sản nội địa, nâng cao uy tín thương hiệu CADOVIMEX, tiếp tục củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng cường công tác xúc tiến thương mại.

Đổi mới toàn diện công tác quản lý SXKD nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ chủ chốt, xem xét lại các vị trí lãnh đạo chủ chốt quang trọng, thay đổi bố trí lại một cách hợp lý, đặc biệt quan tâm đến năng suất, hiệu quả công việc, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật của cán bộ. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghiệp vụ tay nghề cho công nhân viên lao động.

Tổ chức thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, nhằm kích thích tăng năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, khen thưởng kịp thời đúng người, đúng việc những cá nhân tập thể có thành tích xuất sắc nổi bật.

Quản lý tốt vốn tài sản thiết bị, hạn chế mức thấp nhất rủi ro, đáp ứng kịp thời cho sản xuất kinh doanh hướng đến mục tiêu giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nâng cao hiệu quả SXKD.

Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu tại khu công nghiệp Sa Đéc-Đồng Tháp (thuộc Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu thủy sản Cadovimex II) đi vào hoạt động, góp phần tăng doanh số và lợi nhuận của Công ty.

Đầu tư mua 100 ha đất nuôi cá ba sa, trong đó 50 ha Công ty trực tiếp nuôi, 50 ha hợp tác nuôi. Nguồn cá thu hoạch sẽ cung cấp cho Nhà máy chế biến cá. Hiện tại, Công ty đã nuôi được 16 ha.

Đầu tư mua 02 khu đất tại Sa Đéc- Đồng Tháp trong đó khu đất 2,8 ha xây dựng nhà máy chế biến bột cá từ phụ phẩm chế biến cá; khu đất 5 ha xây dựng nhà máy chế biến thức ăn cho nuôi cá và cung cấp cho thị trường.

*** SƠ LƯỢC VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN ĐÔNG LẠNH XUẤT KHẨU TẠI KHU CÔNG NGHIỆP SA ĐÉC – ĐỒNG THÁP**

Thông tin về các dự án đầu tư được lấy từ Báo cáo khả thi do Công ty CP Chế biến và XNK Thủy sản CADOVIMEX II (Công ty CADOVIMEX II) lập. Tóm tắt báo cáo khả thi của các dự án như sau:

Giới thiệu chung

+ Chủ đầu tư: Công ty CP Chế biến và XNK Thủy sản CADOVIMEX II. Công ty CADOVIMEX II được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5103000057 ngày 24/01/2007 (đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/11/2007) do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp, với số vốn điều lệ là 80 tỷ đồng.

+ Quan điểm đầu tư dự án:

- Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản có trang thiết bị hiện đại,

phương pháp quản lý tiên tiến để sản xuất các mặt hàng từ cá Tra, cá Basa, tôm, đồ hộp các sản phẩm thủy sản khác đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng theo chương trình HACCP và Code vào thị trường Châu Âu, Mỹ góp phần tăng thu nhập ngoại tệ.

- Xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu thị trường về an toàn vệ sinh an toàn thực phẩm, thúc đẩy việc nuôi cá nước chảy, tạo công ăn việc làm.
- Xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu có công suất hợp lý phù hợp với việc cung cấp nguyên liệu cá Tra, cá Basa, tôm,... đang có nhu cầu tăng mạnh trên thị trường và phù hợp với khả năng sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu của Công ty.

+ Địa điểm, cơ sở hạ tầng: Khu C mở rộng – KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Diện tích đất sử dụng: 28.000 m²

+ Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 60/HĐ-XNHT ngày 15 tháng 12 năm 2006, thời hạn thuê là 49 năm, kể từ năm 2006 đến năm 2054.

+ Công suất đầu tư: Công suất thiết kế: 35.000 tấn thành phẩm/năm, trong đó cơ cấu sản phẩm từng loại như sau:

- Cá Basa và cá tra fillet đông lạnh: 25.000 tấn, tương đương 71,43%
- Tôm mực và các loại thủy sản khác: 3.000 tấn, tương đương 8,58%
- Thủy sản khô các loại: 2.000 tấn, tương đương 5,72%
- Đồ hộp các loại: 5.000 tấn, tương đương 14,29%

+ Thời gian thực hiện (dự kiến):

- Thời gian khởi công: quý 2/2007
- Thời gian hoàn thành: quý 2/2008

+ Tiến trình thực hiện dự án:

- Quý 2/2007: Chuẩn bị thủ tục, làm nền móng
- Quý 3/2007 : Xây dựng cơ bản
- Quý 4/2007 : Xây dựng cơ bản, Lắp đặt thiết bị
- Quý 1/2008 : Sản xuất thử
- Quý 2/2008 : Hoạt động chính thức

+ Phân tích hiệu quả dự án:

- Tổng vốn đầu tư

TT	Hạng mục	Giá trị (đồng)
I	Vốn cố định	190.000.000.000
1	Vốn thiết bị	120.000.000.000
2	Vốn xây lắp	70.000.000.000
II	Vốn lưu động	60.000.000.000
Tổng vốn đầu tư (I+II)		250.000.000.000

- Nguồn vốn đầu tư

Hạng mục	ĐVT: đồng
Vốn tự có	117.000.000.000
Vốn tín dụng	133.000.000.000
Tổng	250.000.000.000

- Phương thức vay và trả vốn dài hạn

- Thời gian vay: 8 năm
- Lãi suất vay: 11,40%/năm (tương đương 0.95%/tháng)
- Nguồn trả vốn vay từ khấu hao cơ bản và lãi ròng hàng năm.

- Thời gian hoàn vốn: 6 năm 4 tháng (có tính đến hệ số chiết khấu)

- Tỷ lệ thu nhập nội bộ và hiện giá thu nhập ròng của Dự án

Chỉ tiêu	Giá trị
NPV (đồng)	37.785.730
IRR (%)	16,69
Thời gian hoàn vốn	6 năm 4 tháng

Khi Nhà máy đi vào hoạt động, dự kiến Doanh thu và Lợi nhuận đạt được của Nhà máy trong năm 2008 như sau:

TT	CHỈ TIÊU CHUNG	ĐVT	KẾ HOẠCH
1	Thu mua nguyên liệu	Tấn	12.000
2	Sản lượng chế biến	Tấn	4.000
3	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	12,8
4	Lợi nhuận	Tỷ VNĐ	6,5

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Song song với việc tăng vốn điều lệ, lành mạnh hóa tình hình tài chính và giảm vốn vay ngân hàng, các kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức của Công ty là hoàn toàn khả thi. Hiện tại, với việc thiếu hụt vốn kinh doanh, đã tạo ra gánh nặng về chi phí lãi vay (năm 2005 là 19,8 tỷ và năm 2006 là 27,8 tỷ, năm 2007 là 35,9 tỷ) cho Công ty. Trong thời gian tới, khi Công ty đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thì việc phát hành thêm vốn là cần thiết, và do đó Công ty hoàn toàn có thể đạt được các kế hoạch lợi nhuận và cổ tức như đã dự kiến.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Thông tin về trái phiếu chuyển đổi: không có

Thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất: không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: không

V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**Loại chứng khoán**

Toàn bộ chứng khoán đăng ký là Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần

Mệnh giá mỗi cổ phần thông nhất là 10.000 đồng/cổ phần

Tổng số lượng cổ phần đăng ký

Tổng số cổ phần đăng ký niêm yết là 8.000.000 cổ phần. Trong đó, số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo cam kết nắm giữ của thành viên HĐQT, BGĐ, BKS, KTT như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP đang nắm giữ
I	HĐQT		
1	Võ Thành Tiên	Chủ tịch HĐQT	80.000
2	Tạ Hùng Mau	P. Chủ tịch HĐQT	246.800
3	Trần Minh Hoàng	Thành viên	81.875
4	Tăng Gia Phong	Thành viên	51.650
5	Huỳnh Koc Hải	Thành viên	487.198
6	Trần Ngọc Tươi	Thành viên	190.618
7	Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên	125.000
8	Huỳnh Văn Long	Thành viên	283.055
9	Cao Thanh Định	Thành viên	0
II	Ban Giám đốc		
1	Phạm Thị Hường	Tổng Giám Đốc	8.315
2	Trần Minh Hoàng	P.Tổng Giám Đốc	81.875
3	Tăng Gia Phong	P.Tổng Giám Đốc	51.650
II	Ban kiểm soát		
1	Trần Hoàng Giang	T. Ban Kiểm Soát	3.534
2	Nguyễn Việt Khái	Thành viên	0
3	Châu Long	Thành viên	0
IV	Kế toán trưởng		
1	Dương Ngọc Thới	Kế Toán Trưởng	0

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu trong thời gian 6 tháng tiếp theo, và sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu vi phạm cam kết này.

Giá trị cổ phần Cadovimex

Phương pháp tính giá: Dựa vào so sánh chỉ số giá cổ phiếu/giá trị sổ sách mỗi cổ phần (P/BV).

Cụ thể cách tính toán như sau:

- Tính giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Cadovimex tại thời điểm 31/03/2008:

Chỉ tiêu	Giá trị
Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/03/2008	179.900.581.576 (đồng)
Số cổ phần tại thời điểm 31/03/2008	8.000.000 (cổ phần)
Giá trị 1 cổ phần	22.487 (đồng)

- Cadovimex là doanh nghiệp thủy sản chuyên chế biến, kinh doanh và xuất nhập khẩu các mặt hàng nông thủy sản, vì vậy chỉ số P/BV của Cadovimex về cơ bản được tính toán trên cơ sở so sánh với P/BV của 11 công ty ngành thủy sản đang niêm yết trên sàn giao dịch thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng P/BV các công ty ngành thủy sản niêm yết trên sàn Hose

Mã CK	Tên công ty	Giá thị trường (02/06/2008)	Giá trị sổ sách (31/03/2008)	P/BV
ABT	CTCP xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre	33.600	48.616	0,69
ACL	CTCP xuất nhập khẩu thủy sản Cửu long An Giang	26.000	12.899	2,02
AGF	CTCP xuất nhập khẩu thủy sản An Giang	22.700	47.311	0,48
ANV	CTCP Nam Việt	52.000	26.372	1,97
FBT	CTCP xuất nhập khẩu lâm thủy sản Bến Tre	12.100	10.492	1,15
FMC	CTCP thực phẩm Sao Ta	16.900	20.656	0,82
ICF	CTCP đầu tư thương mại thủy sản	10.700	12.686	0,84
MPC	CTCP thủy sản Minh Phú	18.100	15.756	1,15
SJ1	CTCP thủy sản số 1	20.500	20.265	1,01
TS4	CTCP thủy sản số 4	12.200	18.026	0,68
VHC	CTCP Vĩnh Hoàn	24.500	13.117	1,87

P/BV bình quân các công ty ngành thủy sản niêm yết trên sàn Hose vào ngày 02/06/2008 là 1,15 lần.

Do đó giá của Cadovimex = $22.487 \times 1,15 = 25.860$ (đồng)

→ Đơn vị tư vấn quyết định chọn giá chào sàn cho ngày giao dịch đầu tiên của Cadovimex là **25.000 đồng/cổ phần**.

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài. Sau khi chứng khoán của Công ty được đăng ký, các giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài sẽ phụ thuộc vào các quy định của pháp luật.

Tại thời điểm hiện tại, theo Quyết định 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ nắm giữ tối đa của bên nước ngoài vào một công ty đăng ký là 49%.

Các loại thuế liên quan

Hiện nay, mức thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng cho các mặt hàng của Công ty là 10%. Thuế xuất khẩu cho các mặt hàng của Công ty là 0%. Ngoài ra, đối với các nguyên vật liệu nhập khẩu, Công ty chỉ phải tạm nộp thuế, khi xuất hàng sản xuất từ nguyên vật liệu này, Công ty sẽ được hoàn lại.

Về Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty tiến hành hoạt động với hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/02/2005, được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15%, được miễn 100% trong 3 năm đầu (2005, 2006, 2007); sang năm 2008 Công ty được giảm 50%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**Tổ chức tư vấn****CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**

Trụ sở : 56 - 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM.

Điện thoại : (848) 9.144.134 Fax: (848) 9.144.136

Tổ chức kiểm toán**Công ty Kiểm Toán và Dịch vụ Tin học (AISC)**

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (848) 930.51.63 Fax: (848) 930.42.81

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục 1 Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Phụ lục 2 Điều lệ Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu Công ty niêm yết

Phụ lục 3 Báo cáo kiểm toán vốn

Phụ lục 4 Báo cáo Quyết toán Quý II năm 2008

Phụ lục 5 Báo cáo kiểm toán 2006 và 2007



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2008

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN & XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CADOVIMEX



Chủ tịch HĐQT

VÕ THÀNH TIÊN

Tổng giám đốc

Trưởng Ban kiểm soát

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ HƯỜNG

TRẦN HOÀNG GIANG

DƯƠNG NGỌC THÔI

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI VIỆT